

CÁC TRẬN ĐẤU QUAN TRỌNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM



WWW.SACHVUI.COM

Mục Lục

Giới thiệu

Chương 1: Trần Bạch Đằng (938)

Chương 2: Trần địa cộc ngầm

Chương 3: Trần Bình Lệ Nguyên (17-1-1258)

Chương 4: Trần Đông Bộ Đầu (28 – 29-1-1258)

Chương 5: Trần Chương Dương - Thăng Long (5-6-1285)

Chương 6: Trần Như Nguyệt - Vạn Kiếp – Vĩnh Bình (6-7/1285)

Chương 7: Trần Chi Lăng

Chương 8: Trần Bạch Đằng Năm 1288

Chương 9: Trần Thành Đa Bang (1-1407)

Chương 10: Trần Tốt Động – Chúc Động (7-11-1426)

Giới thiệu

Truyện Các Trận Đấu Quan Trọng Trong Lịch Sử Việt Nam được nhiều tác giả sáng tác nói về lịch sử hào hùng của Việt Nam. Như một cách để tưởng nhớ đến lịch sử đầy hào hùng, bi tráng của dân tộc, trân trọng gửi đến các đọc giả cuốn sách này, tổng hợp những trận đánh nổi tiếng và quan trọng trong quãng đường dựng nước giữ nước của dân tộc Việt Nam từ thời Vua Hùng đến hết thời phong kiến

Sắp đến ngày Giỗ Tổ quan trọng của cả nước, chúng ta là con rồng cháu tiên, mang dòng máu Lạc Hồng, nhưng những điều về sử sách, những ghi chép về công lao của tổ tiên qua nhiều cuộc binh biến, nhiều cuộc chiến tranh vẫn chưa được tỏ tường.

Mong rằng những câu chuyện dưới đây sẽ giúp các bạn cảm thấy hứng thú hơn về lịch sử dân tộc, cách tập hợp lại bằng những câu chuyện ngắn giúp các bạn đọc giả cảm thấy bớt khô khan như những cuốn sách dày cộm, bớt tính ước lệ vì có thêm những chi tiết đặc sắc gắn liền với sự kiện, những việc đó những con người đó, đã từng tồn tại, đã dùng tài trí của mình, kỹ năng thao lược tài tình, để những gì họ làm mãi lưu danh thiên cổ.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Chương 1: Trận Bạch Đằng (938)

Hàng năm cứ đến ngày mùng 05 Tháng Giêng Âm Lịch, người Việt trong nước cũng như ngoài nước luôn tưởng nhớ tới chiến thắng của Đức Quang Trung Hoàng Đế cả thắng quân Thanh tại Đống Đa, quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. Chiến thắng Đống Đa là chiến thắng cuối cùng trong trận chiến tranh chống xâm lược giữa Việt Nam và Trung Hoa cách đây hơn hai thế kỷ, vì lẽ đó ảnh hưởng của trận Đống Đa đã làm lu mờ những trận chiến khác của vị vua mang trong người thiên tài quân sự. Chúng tôi xin đăng tải bài viết của ông Hải Nam Trần Minh Đại về một chiến thắng khác của Quang Trung Hoàng Đế.

Các tướng chỉ huy thủy binh Xiêm La không bao giờ ngờ rằng thiên tài quân sự Nguyễn Huệ đã tính toán một cách chính xác khoa học thần kỳ đến tuyệt vời về qui trình của dòng thủy triều sẽ lên đến đỉnh điểm và đứng yên dòng chảy một khoảng thời gian trước khi ròng. Đúng vào lúc 300 chiến thuyền và 20,000 thủy binh của chúng đã lọt hoàn toàn vào khúc sông mai phục giữa sông Tiền Giang Mỹ Tho. (1)

Đầu năm 1785, Nguyễn Huệ cùng Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Đặng Văn Trấn và Tây Sơn Nữ tướng Bùi Thị Xuân đến cửa Cần Giờ nhưng không vào Gia Định như những lần trước mà đi thẳng đến cửa sông Tiền Giang để vào Mỹ Tho. Tại đây, một lần nữa thiên tài quân sự Nguyễn Huệ lại sáng chói với chiến thuật mai phục thần kỳ trên sông, diệt gọn quân Xiêm bằng trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút. Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút quả thật phải được ghi vào quân sử thế giới với tài vận dụng siêu đẳng địa hình, địa vật, địa thế phong thủy và kế dụ địch để mai phục và tiêu diệt địch thủ có quân số nhiều hơn gấp ba lần một cách nhàn hạ mà không cần dùng đến chiến thuật cọc nhọn hay một kỹ thuật nào khác.

Khi đến, Nguyễn Huệ sai Trương Văn Đa kéo chủ lực về thủ thành Gia Định, còn mình thì lập tức thân hành đi quan sát địa hình và cho người thám thính quân tình đối phương. Dầu không phải là người địa phương nhưng với thiên tài quân sự đặc biệt, Nguyễn Huệ đã thấy ngay thế tử địa để tiêu diệt địch. Tử địa mà Nguyễn Huệ chọn cho quân Xiêm là một khúc trên sông Mỹ Tho dài khoảng 6 cây số nằm giữa hai con rạch đi vào sông Rạch Gầm (còn gọi là sông Sầm Giang) và Rạch Xoài Mút (còn gọi là sông Hiệp Đức). Bề rộng của sông gần một cây số. Khúc sông này được nước từ ba dòng sông Mỹ Tho, Sầm Giang, Hiệp Đức đổ vào nên khi thủy triều lên thì nước tràn

đây, thủy triều xuống thì nước vẫn không cạn. Giữa sông có cù lao Thới Sơn dài 5 dặm và cù lao Hộ nhỏ hơn có lau sậy và cây bần mọc um tùm, không có dấu chân người qua lại là địa điểm lý tưởng để giấu quân.

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút trên sông Tiền Giang Mỹ Tho và trận bộ chiến tại Rạch Dừa. Nguyễn Huệ cử tướng Đặng Văn Trần chỉ huy thủy binh và cử tướng Võ Văn Dũng chỉ huy bộ binh mở đầu hai trận này. Khởi đầu, đoàn kỵ binh của Võ Văn Dũng mang quân đến trước đại bản doanh quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh ở Sa Đéc khiêu chiến với lực lượng 20,000 thủy binh, 300 chiến thuyền và 30,000 bộ binh. Quân Xiêm La rầm rộ tiến vào nước ta trong một khí thế tự tin hiếu chiến và háo thắng rất hung hăng. Đúng vào lúc quân Xiêm và một phần quân của Nguyễn Ánh đã chuẩn bị xong lực lượng tìm quân Tây Sơn để tiêu diệt, thì, bỗng nhiên, hôm ấy, trời vừa tờ mờ sáng chúng đã thấy một đạo kỵ binh của Tây Sơn bất ngờ xuất hiện trước đại bản doanh.

Quân Xiêm La hung hãn đang mong gặp được quân Tây Sơn để đọ sức. Lập tức quân Xiêm liền điều động ngay một quân số đông áp đảo của bộ binh và kỵ binh rầm rộ tiến ra ứng chiến ngay.

Thế là một trận chiến đầu tiên tuy ngắn nhưng khá dữ dội diễn ra giữa quân Xiêm La và quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn đã có mưu kế dụ địch nên chỉ đánh cầm chừng một lúc bèn giả thua, rút quân tháo chạy.

Thấy quân số kỵ binh Tây Sơn ít hơn, quân Xiêm có tướng sĩ của Nguyễn Ánh dẫn đường liền hô quân đuổi theo. Theo kế hoạch dụ địch đã được sắp đặt trước và cũng không để cho quân Xiêm nghi ngờ chúng bị dụng mưu vào tử địa, khi kỵ binh Tây Sơn chạy đến Vĩnh Long thì được tăng cường thêm quân. Hai đoàn quân này nhập lại lập thành một chiến tuyến mới chờ quân Xiêm kéo đến. Thế là lại thêm một trận chiến dữ dội nữa tại Vĩnh Long. Trong trận này kỵ binh Tây Sơn đã phải chịu hi sinh một số quân để kích động tính hiếu chiến của chúng theo như kế hoạch đã định trước.

Hai bên đang sắp chiến thì bộ binh Xiêm đi sau rầm rộ kéo đến chia thành hai ngã theo chiến thuật gọng kìm để bao vây kỵ binh Tây Sơn vào giữa.

Thấy quân Xiêm La đã mắc mưu kế, kỵ binh Tây Sơn vừa đánh vừa rút lui về hướng Mỹ Tho. Hai tướng chỉ huy quân Xiêm là Lục Côn và Sạ Uyển có tướng sĩ của Nguyễn Ánh đi trước chỉ đường cho 2,000 kỵ binh và 10,000 bộ binh Xiêm La ráo riết đuổi theo quân Tây Sơn về Mỹ Tho. Trong khi ở trên bộ quân Xiêm La đuổi theo quân Tây Sơn về Mỹ Tho thì dưới sông, Đại

tướng Đặng Văn Trần chỉ huy 100 chiến thuyền Tây Sơn đến trước đại bản doanh quân Xiêm ở Sa Đéc khiêu chiến.

Hai tướng chỉ huy thủy binh Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương mang đến 300 đại chiến thuyền và 20,000 thủy binh sang Việt Nam theo lời cầu viện của Nguyễn Ánh để diệt quân Tây Sơn. Đây là một lực lượng thủy binh hùng hậu nhất Đông Nam Á vào thời đó. Dã tâm của chúng là nhân dịp này đi chiếm đất của Việt Nam. Với một lực lượng thủy quân như thế chúng rất tự tin sẽ làm cổ quân Tây Sơn một cách dễ dàng vì vậy khí thế của chúng rất hung hăng hiếu chiến. Và, cũng thật là bất ngờ, đúng vào lúc quân Xiêm La vừa chuẩn bị xong đội hình tác chiến thì quân Tây Sơn xuất hiện ngay trước mặt. Đội chiến thuyền của quân Xiêm liền tách bến tiến ra nghênh chiến. Quân Tây Sơn chờ cho đến khi mấy chiến thuyền của quân Xiêm đã đến đúng vào tầm súng đại bác đặt trên thuyền liền bắn ngay ra một loạt thị uy.

Quân Xiêm liền bắn trả đũa ngay. Và vì thấy quân Tây Sơn chỉ có một số chiến thuyền nhỏ, chúng huy động toàn bộ 300 chiếc tiến công vây chặt các chiến thuyền quân Tây Sơn để nhận chìm địch thủ. Thuyền của quân Tây Sơn là loại chiến thuyền nhỏ, hẹp chiều ngang nhưng mỗi thuyền có đến 40 mái chèo cho nên di chuyển rất nhanh để tránh đạn đại bác của quân Xiêm.

Cuộc thủy chiến đầu tiên giữa quân Tây Sơn và quân Xiêm đã thực sự diễn ra trên sông Sa Đéc. Hai bên còn cách xa cho nên chỉ dùng đại bác và tên tầm lửa bắn nhau. Vì muốn kế hoạch dụ địch vào trận địa mai phục ở Rạch Gầm Xoài Mút mà không làm cho quân Xiêm nghi ngờ nên thủy binh Tây Sơn đánh rất dữ dội. Vài chiến thuyền của quân Xiêm trúng đạn, vài chiến thuyền Tây Sơn cũng bị trúng đạn. Đến đây các chiến thuyền Tây Sơn phía sau từ từ rút lui, những thuyền còn lại vừa bắn vừa rút lui theo. Quân Xiêm thấy thuyền của Tây Sơn rút lui, bèn gia tốc mái chèo đuổi theo.

Quân Xiêm đuổi theo quân Tây Sơn đến Vĩnh Long vẫn chưa bắt kịp được vì tốc độ của thuyền Tây Sơn đi nhanh hơn. Tuy nhiên vẫn giữ một khoảng cách để cho quân Xiêm trông thấy đuổi theo.

Khi cả hai đoàn thuyền đã vào địa phận Mỹ Tho thì màn đêm buông xuống. Tất cả thuyền Tây Sơn đều lên đèn để cho quân Xiêm trông thấy. Các chiến thuyền của quân Xiêm cũng đều lên đèn và ráo riết đuổi theo.

Đến khúc sông này thì hai bên bờ là rừng cây rạch bần mọc um tùm và dưới ven sông thì môn nước, dừa nước cũng lau lách mọc dày đặc. Đây chính là một phần địa hình trong tổng thể địa hình địa vật mà Nguyễn Huệ đã ghi

nhận để vận dụng vào địa thế ẩn binh mai phục. Hơn nữa Ngài đã tính toán trước được rất chính xác cả con nước thủy triều và những cơn gió từ biển Đông sẽ thổi mạnh vào tháng 11 âm lịch là tháng mùa mưa đã kết thúc và nước sông sẽ dâng lên cao nhất trong năm, làm tăng tốc sức đẩy cho các chiến thuyền nhanh hơn vào thời điểm quyết định của trận thủy chiến sắp xảy ra. Càng lợi hại hơn nữa, chính cường độ của sức nước và gió của thủy triều dâng sẽ đẩy các chiến thuyền quân Xiêm càng trôi nhanh hơn vào trận địa mai phục. Quả nhiên, khi hai bên đuổi theo nhau đến khúc sông này thì dòng thủy triều bắt đầu dâng lên báo hiệu bằng những cơn gió mạnh. Gió nổi lên thổi xuôi theo dòng thủy triều dâng càng cao thì sức nước càng đẩy nhanh tốc độ của các chiến thuyền lướt trên sông Tiền Giang và khi các chiến thuyền đến Rạch Gầm thì trời tối hẳn. Trong màn đêm âm u, chỉ nghe tiếng mái chèo khua nước và tiếng ếch nhái, dế mèn nỉ non từ hai ven bờ lau lách dày đặc vọng ra...

Đột nhiên, phần lớn các chiến thuyền Tây Sơn đi trước tắt hết đèn, và rẽ vào con rạch đầu tiên là Rạch Gầm để ẩn binh...

Phần thuyền đi sau, vẫn giữ nguyên đèn sáng để nghi binh dụ địch cứ tiếp tục đi thẳng trên sông Mỹ Tho.

Quân Xiêm La không nghi ngờ gì cả nên vẫn gia tốc thêm mái chèo nhanh theo vận tốc của nước thủy triều dâng để mong bắt kịp quân Tây Sơn chỉ còn cách một quãng rất gần.

Đến con rạch thứ hai là rạch Xoài Mút thì tất cả thuyền đi sau làm mục tiêu cho thuyền Xiêm La đuổi theo đột nhiên tắt hết đèn rồi rẽ vào con rạch thứ hai là Rạch Xoài Mút để kết hợp với thủy quân Nguyễn Huệ phục kích sẵn tại đây. Thuyền của quân Xiêm La bỗng thấy phía trước không còn ánh đèn nào nữa. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng giật mình cảnh giác, hồ nghi bị lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn, liền báo động chuẩn bị tác chiến. Thế nhưng đã quá muộn rồi vì các chiến thuyền của chúng đang bị cường độ của sức nước và sức gió cứ đẩy nhanh tới. Muốn giảm tốc độ lướt nhanh của thuyền cũng cần phải có một quãng thời gian. Nhưng cái quãng thời gian quyết định sự sống còn của chúng không còn kịp nữa. Bởi vì đúng lúc ấy chúng đã rơi hẳn vào trận địa mai phục, pháo hiệu tấn công của quân Tây Sơn nổ vang.

Thủy quân do Nguyễn Huệ chỉ huy từ Rạch Xoài Mút và từ các con rạch nhỏ đồng loạt tiến ra chặn đánh bằng tên tầm lửa và súng đại bác đặt trên thuyền. Đồng thời súng đại bác từ hai bờ sông, từ cù lao Thới Sơn và cù lao Hộ nã

liên hồi vào các chiến thuyền quân Xiêm đi ở hàng giữa.

Quân Xiêm bị đánh phủ đầu bất ngờ rất dữ dội vào các chiến thuyền đi trước và bị súng đại bác nã liên tục vào đoàn thuyền đi giữa. Tất cả các chiến thuyền của chúng chưa kịp phản công thì đúng lúc ấy nước và gió thủy triều đã lên đến đỉnh điểm cao nhất và đứng yên dòng chảy. Tất cả thuyền của chúng khựng lại khiến đội hình càng thêm rối loạn. Tướng chỉ huy quân Xiêm là Chiêu Tăng hoảng hốt ra lệnh biến hậu quân thành tiền quân để rút lui theo con nước thủy triều sắp chuyển ròng. Quân Tây Sơn chỉ chờ đến lúc ấy, từ Rạch Gầm kéo ra chặn đánh, đánh dữ dội vào hậu quân Xiêm, quyết không cho chúng mở đường rút lui trong lúc dòng thủy triều đứng yên ở đỉnh điểm. Quân Xiêm bèn ngưng thoái lui và trở lại trận địa trong tình thế hỗn loạn. Quân Tây Sơn dồn hết tổng lực tấn công vào các chiến thuyền quân Xiêm đang vô cùng rối loạn, không tiến mà cũng không lùi được. Chúng biến thành những cái bia không lồ để hứng những loạt đại bác bắn như xối. Đồng thời liên tiếp hàng loạt tên tầm lửa của quân Tây Sơn bắn như mưa rào vào chúng.

Các tướng chỉ huy thủy binh Xiêm La không bao giờ ngờ rằng thiên tài quân sự Nguyễn Huệ đã tính toán một cách chính xác khoa học thần kỳ đến tuyệt vời về qui trình của dòng thủy triều sẽ lên đến đỉnh điểm và đứng yên dòng chảy một khoảng thời gian trước khi chuyển sang ròng. Đúng vào lúc 300 chiến thuyền và 20,000 thủy binh của chúng đã lọt hoàn toàn vào khúc sông mai phục giữa sông Tiền Giang Mỹ Tho.

Đây là những giây phút của thời gian quyết định cực kỳ quan trọng mà thủy binh Tây Sơn chờ đợi để dồn hết tổng lực quân sự tấn công chúng. Ngược lại thủy binh Xiêm La không còn lợi dụng được dòng chảy lên xuống của thủy triều để tiến thoái nên tất cả chiến thuyền của chúng đều lênh đênh đứng yên một chỗ để lãnh những loạt đạn đại bác và tên tầm lửa của quân Tây Sơn bắn trúng mục tiêu.

Cùng thời gian khẩn trương ấy, lợi dụng dòng thủy triều đứng yên, mấy ngàn thủy binh thiện chiến của đội quân người nhái mang tên anh hùng Yết Kiêu đời nhà Trần âm thầm lặn sâu xuống nước bám sát mạn đáy thuyền giặc đục lủng cả trăm chiến thuyền của chúng. Nước sông theo các lỗ đục phụt lên tràn ngập cả khoang thuyền. Hàng ngũ thủy binh Xiêm rối loạn ngay, chúng hoảng hốt nháo nhác tìm cách thoát thân trên khoang thuyền đang ngập nước thì đúng lúc ấy, từ ven sông đã xuất hiện hàng ngàn chiếc ghe nhỏ chở các chiến sĩ thiện xạ Tây Sơn tiến đến bắn như mưa rào những mũi tên gắn đầu sắt nhọn vào chúng.

Đây là một thế đánh thủy chiến rất ác liệt và hữu hiệu được lưu truyền từ đời nhà Trần đã chiến thắng quân Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng năm 1288. Một trận đại thủy chiến lịch sử long trời lở đất của thủy binh Việt Nam đang giáng lên đầu quân Xiêm. Mấy trăm chiến thuyền của chúng đang biến thành một biển lửa sáng rực cả một vùng rộng lớn trên sông Tiền Giang Mỹ Tho, tất cả đều bị đánh chìm không còn một chiếc. Thủy binh Xiêm và một phần quân Nguyễn Ánh hoàn toàn bị tiêu diệt. Tốc độ thời gian của trận đại thủy chiến và chiến thắng đã diễn ra nhanh như một cơn ác mộng đầy kinh hoàng và vô cùng khốc liệt đối với quân Xiêm. Chỉ trong vòng thời gian của một con nước thủy triều dâng lên đến đỉnh điểm và cũng chỉ vừa bắt đầu hạ xuống (tức là con nước ròng, đứng và ròng). Nếu tính thời gian ấy bằng đường đi của cây kim chỉ giờ thời nay thì chỉ vón vện có 13 tiếng đồng hồ. Hình tượng cụ thể hơn là từ 9:00 tối hôm nay đến 9:00 sáng hôm sau. Thủy binh Tây Sơn dưới tài chỉ huy và tính toán khoa học thần kỳ của thiên tài quân sự Nguyễn Huệ đã nhận chìm 300 chiến thuyền và 20,000 thủy binh Xiêm xuống sông Tiền Giang Mỹ Tho.

Chiến thuật kết thúc nhanh ngoài sức dự tính của các tướng chỉ huy quân Xiêm - đến nỗi chúng không còn cả một tích tắc thời gian nào nghĩ đến việc kéo cờ trắng đầu hàng hầu cứu lấy mạng sống, đành phải làm vật tế thần cho Diêm Vương Hà Bá. (2)

Dân tộc ta, nhớ lại đúng 500 năm về trước, quân dân ta với sự chỉ huy thần thánh của Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã đánh chiếm và đánh chìm 400 đại chiến thuyền và tiêu diệt 200,000 tên giặc cướp nước Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng.

Trong khi trận thủy chiến đang diễn ra vô cùng khốc liệt trên sông Tiền Giang Mỹ Tho thì trên bộ, quân bộ chiến và kỵ binh Xiêm La vẫn ráo riết đuổi theo quân Tây Sơn do tướng Võ Văn Dũng chỉ huy đến Mỹ Tho.

Trên đường vừa rút lui vừa đánh, vừa dụ địch về Mỹ Tho đúng theo như kế hoạch đã vạch ra, nhiều ph en kỵ binh Tây Sơn phải dừng lại chiến đấu cầm chừng với quân Xiêm La.

Thời gian tác chiến tuy ngắn ngủi nhưng cũng dữ dội và cứ mỗi lần như thế kỵ binh Tây Sơn dù quân số ít hơn, phải chấp nhận hi sinh thêm nhiều chiến sĩ anh dũng của mình. Có như thế quân Xiêm mới không nghi ngờ bị dụng kế đưa chúng vào ổ mai phục. Có như thế chúng mới hăng máu hiếu chiến đuổi theo quân Tây Sơn bén gót.

Khi đến trận địa mai phục ở Mỹ Tho thì màn đêm buông xuống, đột nhiên kỵ binh Tây Sơn biến mất vào màn đêm. Quân Xiêm La cũng vừa đuổi kịp theo đến khu lau lách và sinh lầy ở Rạch Dừa. Đúng lúc ấy pháo hiệu nổ vang báo hiệu lệnh tấn công của quân Tây Sơn. Đại bộ binh chủ lực của quân Tây Sơn do tướng Trần Quang Diệu và nữ tướng Bùi Thị Xuân chỉ huy phục kích sẵn bắt thần xung quân ra đánh cận chiến hết sức dũng mãnh. Nhờ đã quen với địa hình địa vật và địa thế rất hiểm trở ở Rạch Dừa, nhờ đã tích tụ được tinh thần chiến đấu anh hùng và sức dũng cảm quyết tử chớ địch, tiềm lực chiến đấu của quân Tây Sơn hết sức dũng mãnh ác liệt. Đội quân chủ lực do đại tướng Trần Quang Diệu chỉ huy dồn hết tổng lực đánh như sấm sét trời giáng ngay vào tiền quân kỵ binh Xiêm đi đầu. Đội quân chủ lực thứ hai do nữ tướng Bùi Thị Xuân chỉ huy cùng với các nữ kiện tướng cảm tử Tây Sơn tấn công như vũ bão vào đội quân bộ binh Xiêm vừa đến. Đoàn kỵ binh của đại tướng Võ Văn Dũng đi vòng về phía sau đánh thốc vào hậu quân Xiêm bằng tên tầm độc hết sức ác liệt. Quân Tây Sơn ba mặt giáp công đồng lúc quyết liệt đánh vào quân Xiêm một trận vũ bão long trời lở đất.

Xứng đáng và oai hùng với hỏ danh là đại nữ tướng Tây Sơn, Bùi Thị Xuân, đã chiến đấu hết sức dũng cảm. Bà, tả xông hữu đột tung hoành dọc ngang những đường kiếm Tây Sơn bí truyền vô cùng hung hiểm dũng mãnh ác liệt. Chỉ trong vòng vài phút giao chiến với kẻ thù chính diện, bà đã chém bay đầu tướng chỉ huy quân Xiêm là Lục Côn. Phó tướng quân Xiêm là Sa Uyển được cấp báo hồn phi phách tán dao động tinh thần chiến đấu ngay. Quân Xiêm thấy chủ tướng bị chém bay đầu xuống tinh thần khủng khiếp, chúng hè nhau tháo chạy. Quân Tây Sơn càng lên tinh thần chiến đấu dũng mãnh hơn. Giữa đêm tối trời như địa ngục và bị lâm vào địa thế mờ mịt thiên la địa võng tứ bề thọ địch như thế, quân Xiêm La hoảng loạn không biết đường đâu mà tháo chạy.

Chúng lớp bị đao thương và tên tầm độc, lớp bị sinh lầy trấn ngập chết không còn một mống. Phó tướng Sa Uyển phải nhờ đoàn tùy tùng cận vệ lấy hết sức bình sinh mở một con đường máu sinh tử trong gang tấc phóng lên ngựa biến vào màn đêm về nước.

Trận chiến tiêu diệt bộ binh Xiêm ở Rạch Dừa làm ta nhớ lại một trận chiến tương tự diễn ra tại ải Nội Bàng Lạng Sơn vào năm 1288. Đây là một trường hợp tái diễn hi hữu của lịch sử chống quân ngoại xâm nước ta đúng 500 năm trước. Trong khi trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng, do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ huy đang diễn ra vô cùng khốc liệt để tiêu diệt toàn bộ lực lượng đại thủy binh Nguyên Mông thì, Thoát Hoan tổng chỉ huy Nguyên

Mông mang cả 100,000 tàn quân rút lui về nước qua ngã biên giới phía Bắc của tỉnh Lạng Sơn. Đến ải Nội Bàng thì bị bộ binh do Đường Hào Đại Tướng Phạm Ngũ Lão chỉ huy phục kích sẵn, đánh cho một trận cuối cùng sấm sét trời giáng tiêu diệt hầu như toàn bộ quân số của đám tàn quân rút lui này. Thoát Hoan cũng phải nhờ đoàn cận vệ tùy tùng mở một con đường máu sinh tử trong gang tấc suýt chết mới phóng ngựa chạy thoát được về Tàu.

Còn Nguyễn Ánh, hết trốn nơi này đến nơi khác. Sau cùng sợ không thoát khỏi tay đối phương lùng bắt, Ngài cùng với một số tướng sĩ chạy qua Xiêm xin tỵ nạn. Thế là toàn phương Nam đã được dẹp yên.

500 năm trước: 1257 - 1288, giặc Nguyên Mông sau khi đã tung hoành từ Á sang u và chiếm gần 2 phần 3 quả địa cầu mới mở đường xâm lăng nước ta bằng tất cả sức mạnh vũ lực của đoàn quân bách chiến bách thắng. Nhưng chúng không có quân nội tuyến mách lối chỉ đường và tiếp tế lương thực cho chúng. Còn vào thời nhà Nguyễn Tây Sơn, quân Xiêm xâm lăng nước ta là do Nguyễn Hữu Thụy, tướng của Nguyễn Ánh sau khi thua trận Thất Kỳ, đã mang 150 tùy tùng sang Xiêm cầu cứu. Khi quân Xiêm tiến vào đất Việt thì có Đô Đốc Châu Văn Tiếp mang quân đi trước dẫn đường cho 20,000 thủy quân Xiêm với 300 chiến thuyền do hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy nhập Kiên Giang, xuyên qua Rạch Giá đến Cần Thơ rồi vào Ba Thát để đặt đại bản doanh tại Sa Đéc. Đồng thời 30,000 bộ binh Xiêm do Lục Côn và Sa Uyển chỉ huy xuyên qua Chân Lạp, rồi đi dọc theo sông Hậu Giang vào phối hợp với thủy quân của Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Rước quân ngoại xâm vào thì phải chỉ đường và tiếp tế lương thực nuôi quân cho chúng là điều kiện đương nhiên. Trước tình thế có quân của Nguyễn Ánh làm nội tuyến như vậy, Nguyễn Huệ không thể áp dụng chiến thuật cọc ngầm trên sông và cũng không thể áp dụng chiến thuật vườn không nhà trống và dân quân du kích chiến để tiêu hao lực lượng địch như thời nhà Trần được. Ngài đã vận dụng hết sức thần kỳ chiến thuật tốc di tốc động, tốc chiến tốc thắng, vận dụng địa hình địa vật địa thế và cả hiện tượng thủy triều thiên nhiên vô cùng lợi hại “ngàn năm một thuở” trong kế hoạch dụ địch vào trận địa mai phục để tiêu diệt chúng.

Một địch thủ đông gấp ba lần lại đang lúc sung sức nên chúng rất hung hăng hiếu chiến kiêu ngạo và háo thắng. Hung hăng hiếu chiến kiêu ngạo và háo thắng chính là nhược điểm của quân Xiêm. Nguyễn Huệ nắm rõ thêm được nhược điểm tâm lý chiến tranh này của quân Xiêm nên ngài đã tận dụng triệt để chiến thuật mai phục. Dụ địch vào trận địa đã bố trí sẵn và đánh cho chúng bằng đòn tổng lực vũ bão sấm sét, để kết thúc vĩnh viễn ác mộng xâm

lãng giành đất của quân Xiêm, ghi thêm vào trang sử chống chiến tranh ngoại xâm “thù trong giặc ngoài” của dân tộc Việt Nam một trang sử vẻ vang oai hùng bất diệt. Và, thiên tài quân sự xuất chúng của Nguyễn Huệ lại càng ghi đậm nét vàng son sáng chói oai hùng hơn nữa khi Ngài ba lần cầm quân ra Thăng Long bình định Bắc Hà chỉ trong vòng một năm sau chiến thắng Rạch Gầm Xoài Mút. Đặc biệt hơn cả là chiến thắng đồn Ngọc Hồi mừng 5 Tết Xuân Kỷ Dậu, một chiến thắng lẫy lừng nhất trong lịch sử chống chiến tranh ngoại xâm “thù trong giặc ngoài” của dân tộc Việt Nam và lịch sử quân sự chống chiến tranh ngoại xâm trên thế giới.

(1) Bài này là một trích đoạn từ bản phân cảnh kỹ thuật thực hiện của tác giả dùng để ghi âm, diễn đọc, lồng nhạc bồi cảnh (mood music) và âm thanh hoạt cảnh (sound effects) nằm trong toàn bộ tác phẩm truyện đọc Đại Việt Hùng Sử “Đức Thái Tổ Vũ Hoàng Đế Quang Trung Nguyễn Huệ, đại anh hùng bách chiến bách thắng”. Bộ audio CD này sẽ phát hành vào tháng 8 năm 2005 nhân kỷ niệm ngày qui thiên của Ngài là ngày 29 tháng 7 âm lịch.

(2) Theo qui luật thiên nhiên, thời gian của dòng thủy triều dâng lên (con nước rong), và hạ xuống (con nước ròng) là 24 tiếng đồng hồ, không gian ban ngày hay ban đêm đều không ảnh hưởng gì đến qui luật của dòng thủy triều. Dòng nước thủy triều chỉ chịu ảnh hưởng của vòng quay trái đất. Như thế là cứ 12 tiếng đồng hồ cho con nước rong (lên) và 12 tiếng cho con nước ròng (xuống). Khoảng thời gian giữa của hai con nước rong và ròng này là đỉnh điểm của con nước đứng (ngưng dòng chảy). Nhưng trước khi dòng nước thủy triều lên gần đến đỉnh điểm đứng khoảng hai tiếng đồng hồ thì sức nước chảy chậm lại, càng lên gần đỉnh điểm đứng thì sức nước chảy càng chậm lại hơn nữa cho đến khi ngưng hẳn dòng chảy trong khoảng một thời gian nửa canh (30 phút). Khi dòng thủy triều bắt đầu hạ xuống (ròng) thì dòng chảy cũng rất chậm khoảng 2 canh (2 tiếng đồng hồ). Qua canh thứ ba nó mới (ròng) hạ nhanh dần, nhanh hơn và thật nhanh cho đến khi sông cạn hết nước Đó là thời gian từ tháng 2 đến tháng 7 âm lịch (6 tháng). Nhưng từ tháng 8 đến tháng Giêng âm lịch năm sau (6 tháng) thì thường là nước sông ròng cũng không cạn hẳn. Lớn như sông Tiền Giang khi ròng, nước cũng còn giữ được phân nửa sông là vì các con sông vừa trải qua một mùa mưa.

Vào tháng 2 âm lịch 1784, Nguyễn Huệ cùng các tướng sĩ Tây Sơn đi khảo sát thực địa trên sông Tiền Giang Mỹ Tho để tìm một khúc sông lập trận mai phục quân Xiêm. Vì tháng này khí hậu thời tiết khô ráo, trữ lượng nước sông không nhiều cho nên địa hình địa vật hiện ra rất rõ cho thấy địa thế Nguyễn Huệ đã chọn để tổ chức lập hậu cần dự trữ lương thực khí tài cho binh sĩ mai phục. Nhưng đặc biệt nhất là Ngài rất quan tâm lưu ý về lời trình bày của vị

thân bào nhân sĩ thân Tây Sơn ở địa phương vùng sông Tiền Giang Mỹ Tho về con nước thủy triều và gió từ biển Đông thổi vào đông lúc. Ngài đã hỏi rất cặn kẽ chi tiết về con nước rong và ròng vào thời gian mùa mưa đã chấm dứt mà thời điểm tốt nhất là vào tháng 11 âm lịch. Đây cũng là thời điểm nước sông Tiền Giang sẽ dâng lên cao hơn tất cả tất cả các tháng trong năm. Khi thủy triều dâng cao lên đỉnh điểm để ngưng dòng chảy (trước khi ròng) thì khoảng thời gian con nước chảy rất chậm này là bốn canh (4 tiếng). Đây là thời gian vô cùng quý báu để quyết định cho số phận của thủy binh Xiêm.

Sau khi đã điều nghiên ghi nhận địa hình địa vật và địa thế giấu quân mai phục cũng như nắm chắc được các yếu tố thời gian không gian và phong thủy trên sông Tiền Giang Mỹ Tho, Nguyễn Huệ và các tướng Tây Sơn đi đến quyết định lập trận mai phục quân Xiêm tại Rạch Gầm Xoài Mút và cuộc tấn công vào quân thù được ấn định vào tháng 11 âm lịch. Lý do cực kỳ quan trọng trong chiến thuật mai phục này là trong vòng thời gian bốn canh (4 tiếng) của con nước thủy triều cao nhất trong năm sẽ đứng yên hoặc chảy rất chậm trên đỉnh điểm. Các chiến thuyền quân Xiêm lúc ấy sẽ không thể nào lợi dụng được sức nước của dòng thủy triều để di chuyển nhanh như ý muốn. Thuyền của chúng di chuyển rất chậm hoặc sẽ cứ nổi lênh bênh trên sông (một đại chiến thuyền dù to lớn bao nhiêu nhưng đối với sông Tiền Giang thì chỉ như một chiếc lá). Như thế những viên đạn đại bác bằng kim loại bắn từ các súng thần công cổ của năm 1785 đặt trên bờ hay trên thuyền mới có tác dụng hiệu quả cao. Nếu thuyền của địch vẫn cứ di chuyển nhanh trên dòng thủy triều thì đạn đại bác bắn theo đường cầu vồng sẽ khó trúng mục tiêu. Đồng thời nếu thuyền địch vẫn lợi dụng được sức nước thủy triều đẩy nhanh thì đội quân người nhái cũng khó bám sát theo mà đục lỗng mạn đáy thuyền địch hiệu quả được.

Tóm lại, khoảng thời gian quyết định 4 tiếng đồng hồ của dòng thủy triều lên đến đỉnh điểm ĐÚNG (ngưng chảy) mà thiên tài quân sự Nguyễn Huệ đã tính toán trước được một cách chính xác khoa học khi Ngài và đoàn tướng sĩ Tây Sơn đi khảo sát thực tế địa hình địa vật và tìm được một khúc sông chiều dài 6 cây số, chiều ngang 1 cây số giữa hai con Rạch Gầm (sông Sầm Giang) và Rạch Xoài Mút (sông Hiệp Đức) để bố trí thế trận mai phục là yếu tố vô cùng quan trọng góp phần chiến thắng thủy binh Xiêm La. Còn súng đại bác (súng thần công) của quân Tây Sơn là loại súng được sản xuất vào đầu thế kỷ 16 khi bắn phải châm mỗi lửa vào ngòi viên đạn (như ta châm lửa vào cái ngòi pháo) từ ngoài họng súng vào, ngòi bắt lửa cháy tạo sức mạnh từ thuốc súng mới tống viên đạn tròn đúc bằng kim loại gang và chì ra khỏi nòng và nòng súng chỉ có tác dụng giúp cho viên đạn bay ra khỏi nòng để đi theo một đường thẳng. Tầm đi xa của viên đạn tối đa cũng chỉ trong khoảng

200 mét, nếu trúng được mục tiêu thì viên đạn chỉ vỡ ra độ chục mảnh gây thiệt hại cho thuyền giặc rất hạn chế.

Loại đạn đại bác của chiến hạm hải quân Mỹ bây giờ có nhiều loại kích cỡ khác nhau, bắn vào các mục tiêu khác nhau. Đặc biệt có loại đạn chiều dài 3 mét, đường kính viên đạn đến 4 tấc (400 ly) chẳng khác nào như một quả bom một tấn bay đến mục tiêu lại do radar vệ tinh hướng dẫn định vị chính xác. Sức tàn phá khủng khiếp của nó ngoài sức tưởng tượng. Chiến thuyền của quân Xiêm chỉ cần lãnh 1/20 sức công phá của nó cũng đủ biến thành đồng gỗ vụn.

Còn đạn đại bác của Tây Sơn mỗi khi bắn xong một viên phải dùng giẻ quấn vào đầu gậy thông nòng súng cho sạch bụi khói mới tra một viên khác vào bắn tiếp. Tác dụng tàn phá của nó nếu trúng mục tiêu chỉ hiệu quả chừng 30%. Phần lớn công dụng của nó là tiếng nổ vang lên (thời ấy) chỉ có tác dụng thị uy hù dọa đòn cân não làm quân giặc hoảng sợ rối loạn mất tinh thần cảnh giác để cho đội quân người nhái lặn sâu bám sát theo mạn đáy thuyền giặc đục lỗng thuyền của chúng. Hiệu quả thứ hai có tầm sát hại khủng khiếp đối với quân Xiêm chính là 3 loại tên. Tên tầm lửa bắn cháy thuyền, tên tầm độc bắn tầm gần lúc cận chiến và tên gắn thêm đầu sắt nhọn bắn tầm xa sát hại chúng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ 2 (938), trận Bạch Đằng do Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy là trận quyết chiến chiến lược, là cuộc đọ sức giữa dân tộc ta và giặc Nam Hán. Trận đánh này có những nét rất độc đáo và có ý nghĩa lớn trên nhiều lĩnh vực.

Cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn và mang đầy tham vọng này của Nam Hán được che đậy dưới chiêu bài “cứu giúp” Kiều Công Tiễn. Quân đội Nam Hán đã dày dạn trong chiến tranh ở vùng Hoa Nam và trong cuộc đàn áp các phong trào chống đối của các “Man trại” ở vùng Quảng Đông và Quảng Tây. Vua Nam Hán sử dụng 1 lực lượng binh thuyền lớn, giao cho con là Vạn Vương Hoàng Thao làm Tinh hải quân tiết độ sứ thống lĩnh đạo quân viễn chinh và tự mình làm tướng dẫn 1 đạo quân quân đóng ở trấn Hải Môn, sát biên giới, làm kế thanh viện, kịp thời yểm trợ cho Hoàng Thao.

Như vậy, Hoàng Thao vừa được sự tiếp ứng của Lưu Cung phía sau, vừa có lực lượng nội ứng của bọn phản bội Kiều Công Tiễn ở trong nước. Được tin quân Nam Hán chuẩn bị kéo sang xâm lược, việc làm cần kíp trước hết của Ngô Quyền là tổ chức đạo quân từ châu Ái tiến ra Bắc để trị tội tên Việt gian phản bội. Thế lực phản bội nhanh chóng bị dẹp tan. Thành công này vừa làm

thất bại ngay từ đầu âm mưu dùng nội ứng của địch, vừa tạo ra thế chủ động cho cuộc kháng chiến.

Bấy giờ Hoàng Thao đã được lệnh chỉ huy đạo thủy quân tiến vào sông Bạch Đằng. Trước tình hình đó, tại thành Đại La, Ngô Quyền họp các tướng, bàn rằng: “Hoàng Thao là 1 đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta có sức mạnh địch với quân mệt, tất phá được. Song họ có lợi thế ở thuyền. Nếu ta sai đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vát nhọn đầu mà bịt sắt, thuyền của họ nhân khi nước lên tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề chế ngự. Không cho chiếc nào ra thoát” (Đại Việt SKTT).

Nhận định của Ngô Quyền chứng tỏ ông là 1 viên tướng biết địch biết ta. Hoàng Thao rất hung hăng nhưng còn hạn chế. Quân địch từ xa đến còn mệt mỏi lại mất nội ứng, tinh thần yếu kém; trong khi đó khí thế quân ta đang mạnh, lại làm chủ tình hình. Đó là điều kiện dẫn đến sự thất bại của quân ta, sự bại vong không thể tránh khỏi của địch. Tuy vậy Ngô Quyền cũng chỉ ra được lợi thế của địch là việc chúng có thuyền chiến mạnh. Nếu ta chủ quan không phòng bị chu đáo thì kết cục thất bại của cuộc kháng chiến chưa thể lường trước.

Về lực lượng của các bên, sử cũ không nói rõ cụ thể. Qua lời bình của sử gia Lê Văn Hưu “Tiền Ngô Vương có thể lấy quân “mới họp” của đất Việt mà đánh tan được trăm vạn quân Hoàng Thao”, thì chúng ta có thể biết được tương quan lực lượng giữa ta và địch là rất chênh lệch.

Về phía Nam Hán, từ hàng ngàn năm, Quảng Châu là 1 trung tâm mậu dịch đối ngoại lớn, có nhiều thuyền buôn trên biển. Nam Hán có thủy quân mạnh và quân đội của họ đã trải qua kinh nghiệm trận mạc. Lực lượng chiến đấu của thủy quân hầu hết là những người đã từng làm nghề đánh cá, làm muối, những thủy thủ và ... cướp biển – Những người lính đã được huấn luyện chu đáo vì mục đích chinh phục và ... ăn cướp.

Vũ khí trang bị của Nam Hán là bạch binh, ngoài câu liêm, móc treo, gươm giáo, còn có nhiều cung nỏ.

Nỏ có nhiều loại, trong đó nỏ nặng với hiệu suất chiến đấu cao và được trang bị tối đa. Quân Nam Hán rất giỏi sử dụng nỏ. Sử Trung Quốc gọi họ là đội quân “Thần nỏ”. Về phía quân đội của Ngô Quyền, chúng ta chỉ biết rằng số đó bao gồm quân riêng của Ngô Quyền trấn giữ châu Ái trước đây, những

đơn vị trung thành với Dương Đình Nghệ, cùng với quân của các tướng, các hào kiệt địa phương đến tụ hội và các đội dân binh do các làng xã tổ chức.

Về mặt vũ khí, chiến thuyền còn nhiều hạn chế hơn so với quân Nam Hán. Qua nghiên cứu khảo cổ học cùng với tư liệu đối chiếu của Trung Quốc có thể đoán rằng quân đội của Ngô Quyền được trang bị các loại cung nỏ, khiên, mộc, lao, gậy, kiếm, dao găm, giáo, kích... Ngoài ra khi chiến đấu trên thuyền quân sỹ còn dùng cả câu liêm, móc treo, lưới cá...

Về thuyền, có thể lúc đó quân đội của Ngô Quyền đã dùng nhiều loại thuyền, trong đó có thuyền “mông đồng” mà sử sách thường nói tới. Thuyền “mông đồng” “mỗi thuyền có 25 thủy thủ, 23 tay chèo, thuyền chèo ngược xuôi nhanh như gió” (Đại Việt SKTT) là loại thuyền hẹp và dài, có 2 đáy, lớn nhỏ khác nhau, rất tiện sử dụng trong chiến đấu.

Như vậy xét trên góc độ tiềm lực vật chất, trang bị quân sự thì quân ta thua kém quân giặc, nhưng về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” thì quân ta hơn. Chính vì thế Ngô Quyền đã khẳng định quân địch sẽ “dễ bề chế ngự” và “tất phá được”.

Trên cơ sở, đánh giá 1 cách chính xác tương quan lực lượng giữa ta và địch, thấy mặt mạnh của địch và hạn chế của ta, đồng thời lại thấy rõ mặt yếu chí mạng của quân địch và mạnh cơ bản của ta, Ngô Quyền đi đến xác định mưu lược đánh địch bằng kế tổ chức một trận đánh lớn tiêu diệt đạo binh thuyền giặc ngay tại vùng cửa sông Bạch Đằng, nơi chúng tất phải đi qua để có thể tiến vào nội địa nước ta.

Trong lời bàn với các tướng, Ngô Quyền đã đề xuất kế sách đánh thủy quân giặc là sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngầm trước ở cửa sông và lợi dụng quy luật lên xuống của nước triều để chế ngự thuyền giặc, không cho chúng chạy thoát. Đó chính là mưu lược phản công với quyết tâm đánh thẳng địch ngay khi chúng vừa xâm phạm đến bờ cõi nước ta.

Qua mưu lược chống giặc mà Ngô Quyền đã bàn với các tướng có thể thấy mục đích của trận đánh là nhằm tiêu diệt toàn bộ đạo binh thuyền lớn do hoàng Thao chỉ huy khi chúng vượt biển tiến tới vùng cửa sông Bạch Đằng.

- Đạo binh thuyền lớn của Hoàng Thao là chủ lực.

- Còn đạo quân của Lưu Cung ở Hải Môn là đạo tiếp theo, lực lượng dự bị. - Nếu đạo quân Hoàng Thao tiến sang thuận lợi, hoặc chỉ bị quân ta chặn đánh

tiêu hao, nhưng vẫn tiên được, thì đạo quân dự bị của Lưu Cung ắt sẽ tràn sang tăng cường để đề phòng lực lượng kháng chiến.

- Nhưng nếu đạo quân Hoàng Thao bị tiêu diệt gọn nhanh chóng thì đạo quân của Lưu Cung sẽ không kịp sang tăng viện, mà chỉ còn cách duy nhất là hạ cờ rút lui để an toàn tính mạng

Qua lời Ngô Quyền định kế chống giặc có thể thấy rõ một số điểm thuộc cách đánh trong trận quyết chiến này như sau:

- Về đối tượng tác chiến: Toàn bộ đoàn binh thuyền lớn của địch do Hoàng Thao chỉ huy, gồm hàng vạn quân với hàng trăm thuyền cỡ lớn. - Về địa bàn tác chiến: Ngô Quyền chọn 1 cửa sông mà khả năng quân địch sẽ tiến vào để bố trí trận địa mai phục, đó là cửa sông Bạch Đằng, nơi có địa thế hiểm trở có thể bố trí 1 trận thủy chiến

- Về cách đánh: Ngô Quyền chủ trương bố trí trận địa mai phục với những cọc gỗ bịt sắt nhọn đóng ngầm dưới nước để cản phá thuyền giặc, kết hợp giữa vận động tiến công và mai phục, đợi khi nước triều lên sẽ khiêu chiến như địch vào trận địa cọc ngầm rồi tiến công tiêu diệt chúng khi nước triều xuống.

- Về sử dụng lực lượng: Lực lượng chiến đấu sẽ có 2 bộ phận:

+ Một lực lượng với những chiến thuyền nhỏ và nhẹ, cơ động nhanh có nhiệm vụ khiêu chiến, như địch

+ Bộ phận chủ lực gồm phần lớn quân thủy bộ bố trí mai phục để tiến công tiêu diệt khi chúng đã lọt vào trận địa cọc ngầm. Quân đội chủ lực của Ngô Quyền sửa soạn chiến đấu trong sự phối hợp với các đội dân binh của các làng xã và sự tham gia phục vụ chiến đấu của nhân dân trong vùng. Ngoài Ngô Quyền là vị chỉ huy tối cao, còn có các tướng Ngô Xương Ngập (con cả Ngô Quyền), Dương Tam Kha (con Dương Đình Nghệ, em vợ Ngô Quyền), Đỗ Cảnh Thạc.

Sau khi đánh tan bọn phản bội Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền và bộ tham mưu tiến quân về vùng biển đông bắc cùng với nhân dân địa phương chuẩn bị thế trận đón đánh quân Nam Hán.

Vùng sông Bạch Đằng, nơi được Ngô Quyền chọn làm chiến trường quyết chiến là 1 vùng địa lý quan trọng, là cửa ngõ phía đông bắc và là đường giao

thông quan trọng từ biển Đông vào nội địa nước ta. Cửa biển Bạch Đằng to rộng, rút nước từ vùng đông bắc Bắc Bộ đổ ra vịnh Hạ Long. Từ cửa biển ngược lên gần 20 km là đến cửa sông Chanh. Phía hữu ngạn có dãy núi đá vôi Tràng Kênh với nhiều hang động, sông lạch và thung lũng hiểm trở. Trước cửa sông Bạch Đằng, về phía bắc là những đảo nhỏ từ vịnh Hạ Long kéo tới. Thuyền từ biển vào sông, len qua vùng quần đảo này khi gặp sóng to gió mạnh vẫn bảo đảm an toàn. 2 bên bờ sông (nay là đồng ruộng và xóm làng) xưa kia còn nhiều cánh rừng rậm...

Giữa vùng thiên nhiên sông biển đó, Ngô Quyền khẩn trương xây dựng 1 thế trận mai phục lợi hại để chủ động phá giặc. Trận đại đồn Chí Hòa, Việt ta gọi là đồn Kỳ Hòa, Pháp gọi là Chí Hòa. Đây thực ra là một hệ thống chiến lũy liên hoàn, nhằm mục đích bao vây quân Pháp trong thành Gia Định.

Điểm sơ qua tình hình quân đội ta lúc đó, thấy khá giống bây giờ. Vũ khí thực ra cũng đầy đủ nhưng lạc hậu, thường là cất kỹ trong kho hơn là phát cho lính. Bởi vậy 50 tên quân mới có 5 tên trang bị súng điều thương châm ngòi. Mỗi năm tập bắn chỉ có một lần, mỗi lần 6 viên. Ai bắn quá thì phải bồi thường. Mà theo cụ Vương Hồng Sển thì lúc quân Pháp chiếm thành Gia Định có chiếm được

- Hai mươi ngàn (20.000) cây súng tay đủ cỡ, và một số binh khí như gươm giáo v.v... nhiều không thể đếm.
- Tám mươi lăm (85) thùng thuốc súng và vô số kẻ nào bì súng, hỏa pháo, diêm sanh, tiêu thạch (salpêtré), chì v.v...
- Một số lúa trữ trong kho đủ sức nuôi từ sáu đến tám ngàn (6.000 – 8.000) nhân khẩu trong vòng một năm. Số lúa này đốt, cháy âm ỉ gần 3 năm trời.
- Lại với một số tiền bản xứ (điếu và kềm) để trong kho ước định và trị giá bằng 130.000 quan tiền lang sa thời đó.

Năm 1860, quân Pháp và Y Pha Nho rút khỏi Đà Nẵng, chỉ để lại non 1000 quân tại Gia Định cố thủ, còn đầu kéo tuốt sang Tàu theo Anh đánh nhau với nhà Thanh. Cụ Nguyễn Tri Phương được điều vào Nam chỉ huy quân đội. Cụ áp dụng lại kế sách vây giặc ở Đà Nẵng, đắp đồn lũy tứ phía nhằm tuyệt đường lương. Cụ làm vậy vì biết sức quân ta có hạn. Nhưng cẩn thận quá hóa hỏng, khiến cho quân Pháp cầm cự được cho đến khi viện binh đến. Lúc đó quân Pháp theo đúng cách đánh của Nã Phá Luân, tập trung quân đội thành một khối chủ lực mà đánh. Quân Pháp có 3500 quân tiếp viện+ 1000

quân có sẵn, quân ta có hơn 1 vạn người (hoặc 4 vạn). Sau 2 ngày chiến đấu quân ta phải bỏ chạy lên Biên Hòa, quân Pháp hạ đồn mà mất có 300 quân. Sau này quân Pháp bổ sung thêm nhiều là do bọn giáo dân theo giúp.

Thành Hà Nội và thành Gia Định thời Tự Đức quy mô hết sức nhỏ bé, tất cả đều do vua Minh Mạng sợ phản loạn mà sai phá đi. Kết quả là quân Pháp, vốn giỏi về công thành, dễ dàng hạ xong chỉ trong một buổi mà chết có vài chục tên lính

Chương 2: Trận địa cọc ngầm

Ngô Quyền huy động quân dân vào rừng đẵn gỗ, vót nhọn, bịt sắt rồi cho đóng xuống lòng sông thành hàng dài, tạo nên 1 bãi cọc, 1 bãi chướng ngại dày đặc ở 2 bên cửa sông. Khi nước triều lên mênh mông thì cả bãi cọc ngập chìm. Khi triều xuống thì hàng cọc nhô lên cản trở thuyền qua lại.

Trận địa cọc ngầm là 1 nét độc đáo, sáng tạo của nghệ thuật thủy chiến mà Ngô Quyền là người khởi xướng đầu tiên. Khi chuẩn bị trận địa, Ngô Quyền không những lợi dụng địa hình thiên nhiên, mà còn lợi dụng cả chế độ thủy triều. Đây cũng là trận đánh biết lợi dụng con nước thủy triều sớm nhất trong lịch sử quân sự nước ta, mở đầu cho truyền thống trong lợi dụng thủy triều trong nhiều trận thủy chiến sau này.

Trận địa cọc có vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ thế trận của Ngô Quyền. Nó sẽ giúp quân ta “dễ bề chế ngự” đoàn thuyền địch. Song trận địa đó sẽ mất hết tác dụng nếu đoàn thuyền giặc không bị đánh bại ở phía trong hàng cọc. Vì vậy, đồng thời với việc xây dựng trận địa cọc ngầm, Ngô Quyền đã tập trung công sức bố trí 1 thế trận mai phục quy mô lớn phía trong hàng cọc vùng hạ lưu và cửa biển Bạch Đằng.

BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG MAI PHỤC: - Dương Tam Kha chỉ huy 1 cánh quân chủ yếu là thủy binh bố trí bên tả ngạn sông Bạch Đằng, phục sẵn ở các kênh rạch bên sông, lợi dụng thuận dòng nước triều xuống, bất ngờ chặn đầu, tiến công thẳng vào đoàn thuyền địch, hãm chúng sa vào trận địa cọc ngầm. Tham gia lực lượng này còn có đội thuyền do Đào Nhuận chỉ huy.

- Một cánh quân khác do Đỗ Cảnh Thạc và Ngô Xương Ngập chỉ huy bố trí và đánh địch từ phía hữu ngạn sông Bạch Đằng. Cánh quân này chiến đấu có sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân binh của anh em Lý Minh, Lý Bảo, Lý Khả ở Hoàng Pha (Hoàng Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng) và của chàng trai họ Nguyễn ở Lâm Động (Thủy Nguyên). Lực lượng do Đỗ Cảnh Thạc chỉ huy gồm cả thủy binh và bộ binh. Họ mai phục trong rừng cây ven sông, rạch, phối hợp với cánh quân bên tả ngạn của Dương Tam Kha, từ 2 phía tiến công vào đoàn thuyền của quân Nam Hán. Có thể lúc đó có 1 đạo thủy quân mạnh phục sẵn làm nhiệm vụ chặn đầu, chờ khi nước xuống sẽ xuôi dòng đánh vỡ mặt đội hình tiến công của quân giặc.

- Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy một lực lượng lớn thủy binh và bộ binh, lập

đồn bên sông Gia Viên (sông Cấm)

- Đoàn thuyền nhẹ khiêu chiến, như giặc do Nguyễn Tất Tố chỉ huy

Trong thế trận của Ngô Quyền:

- Lực lượng mai phục sẽ giữ vai trò quyết định.

- Trận địa cọc ngầm ở cửa sông nhằm cản phá, chặn đường tháo chạy của giặc.

Sự bố trí kết hợp giữa hệ thống bãi cọc và quân mai phục chứng tỏ quyết tâm tiêu diệt hoàn toàn đạo quân xâm lược bằng 1 trận đánh quyết định Cuộc chiến đấu diễn ra và kết thúc chỉ trong vòng 1 con nước triều, nghĩa là chỉ trong vòng 1 ngày. Thời gian chiến đấu ác liệt nhất là lúc nước triều xuống mạnh cho đến lúc nước rặc, nghĩa là chỉ nửa ngày. Toàn bộ đạo quân xâm lược hung hăng ngạo mạn với đoàn thuyền chiến lớn đã bị tiêu diệt ở ngay vùng cửa biển Bạch Đằng nghĩa là tại địa đầu nước ta khi chúng chưa kịp đặt chân lên lên, chưa kịp gây tội ác. Cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần này (lần 2) kết thúc thắng lợi nhanh, gọn trong 1 trận quyết chiến chiến lược.

Đó là cuộc chiến tranh chống xâm lược tiêu biểu nhất cho lối đánh thần tốc, có hiệu quả cao của dân tộc ta. Trận Bạch Đằng (938) là trận vận động tiến công kết hợp với mai phục tiêu diệt địch trên sông nước. Lần đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, Ngô Quyền đã lợi dụng thế “thiên hiểm” của sông Bạch Đằng để bố trí trận địa phục binh, kết hợp ém mai phục với bãi cọc ngầm vót nhọn bịt sắt và lợi dụng nước triều lên xuống để đánh giặc. Sông Bạch Đằng sâu và rộng, núi rừng san sát ven bờ, trên bãi sông có nhiều kênh rạch, lau lách và cây cối um tùm, có nhiều nhánh sông và nước triều lên xuống mạnh.

Việc xác định không gian và thời gian quyết chiến của Ngô Quyền đều nhằm triệt để lợi dụng địa hình, phát huy cao độ ưu thế thủy chiến của dân ta trong điều kiện thiên thời, địa lợi, và nhân hòa để đánh địch. Trận địa cọc ngầm đã có tác dụng to lớn, lối đánh nghi binh lừa và như địch vào trận địa phục binh đã thực hiện chính xác, đúng với ý định của bộ tham mưu.

Chiến thắng bạch Đằng chứng tỏ sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự lớn mạnh của nhân dân ta về trí tuệ và khả năng đánh thắng quân thù không chỉ bằng du kích mà cả bằng chính quy, không chỉ ở trên bộ mà cả bằng thủy chiến. Đó là 1 thí dụ điển hình về mưu trí, sáng tạo, về sự tính toán chính xác

trong nghệ thuật quân sự của dân tộc.

Nhà sử học Lê Văn Hưu viết: “Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp mà đánh tan trăm vạn quân của Lưu Hoàng Thao, mở nước, xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói một lần nổi giận, mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy”

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận xét: “Trận thủy chiến này, với thuyền chiến và cọc gỗ bịt sắt, với lối đánh dũng cảm và mưu trí, đánh đầu sức mạnh chiến đấu và trình độ phát triển của quân đội, dân tộc ta thời đó”.

TRẬN BẠCH ĐÀNG (28-4-981) Mùa xuân năm 981, quân và dân Đại Cồ Việt dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn đã ghi thêm vào trang sử vàng chống giặc ngoại xâm một chiến công sáng chói. Đỉnh cao chiến công ấy là trận quyết chiến chiến lược trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử ngày 28-4-981.

TÌNH HÌNH QUN GIẶC: Sau khi đánh bại các thế lực phong kiến cát cứ, năm 960 Triệu Khuông Dẫn thống nhất lại đất Trung Hoa cũ, lên ngôi, lập nên nhà Tống. Bằng nhiều biện pháp cải tổ chính quyền, chấn hưng kinh tế, 20 năm sau, nhà Tống đã ổn định được tình hình trong nước và trở thành 1 nhà nước phong kiến cường thịnh. Đi theo vết xe của các triều đại thống trị ở TQ trước đó, các vua đầu nhà Tống ra sức thi hành chính sách “tiên Nam hậu Bắc”, nghĩa là trước tiên, ưu tiên cho việc bành trướng, tiến đánh xuống phía Nam, sau đó mới tính đến việc phía Bắc.

Trong chiến lược đó, nước Đại Cồ Việt bé nhỏ nhưng giàu của và có vị trí chiến lược quan trọng đã trở thành đối tượng chinh phục của nhà Tống. Ngày Đinh Mùi tháng 7 năm Canh Thìn (19-8-980), vua Tống xuống chiếu điều tướng, chỉnh quân chuẩn bị xâm lược Đại Cồ Việt. Tống Thái Tông phong Hầu Nhân Bảo (khi đó là viên tri châu Ung) làm “Giao Châu lộ thủy lục kế độ chuyển vận sứ”, tổng chỉ huy đạo quân xâm lược; Tôn Toàn Hưng làm phó, cùng các tướng Trần Khâm Tộ, Lưu Trùng, Giả Thực... gấp rút tập trung quân đội, vận chuyển lương thực.

3 ngày sau khi ban chiếu quyết định đánh chiếm Đại Cồ Việt, ngày Canh Tuất tháng 7 (22-8) năm 980, vua Tống thiết đãi tiệc bọ Tôn Hoàn Hưng tại vườn hoa Ngọc Tân trước giờ xuất quân.

Về lực lượng: nhà Tống chủ trương lấy ngay quân có sẵn ở Ung Quảng, vốn liền kề biên giới Việt Tống phái đi trước.

Các mũi tiến quân: - Cánh quân Thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy từ Khâm Châu, theo đường biển tiến vào Lãng Sơn (Quảng Ninh), qua cửa Bạch Đằng, rồi theo sông Kinh Thầy ngược lên sông Lục Đầu.

- Cánh quân bộ do Tôn Toàn Hưng chỉ huy từ Ung Châu, qua Quỷ Môn Quan vào châu Tô Mậu (Tiên Yên), rồi Đông Triều, Chí Linh mà tiến sâu vào nội địa nước ta. 2 cánh quân này xuất phát gần như đồng thời với nhau, và theo kế hoạch hợp điểm, hội sư, chúng sẽ gặp nhau ở Hoa Bộ (Thủy Nguyên, Hải Phòng), rồi Đại La, cuối cùng hợp sức đánh chiếm Hoa Lư.

Tiếp theo đó, triều Tống lấy quân Kinh Hồ (ở vùng Trung Nguyên) do Lưu Trùng và Trần Khâm Tộ trực tiếp chỉ huy, chia làm 2 đạo thủy bộ tiến sang tiếp sức. TÌNH HÌNH ĐẠI CỒ VIỆT Trước nguy cơ ngoại xâm đang đến gần, triều đình và các tướng lĩnh đã nhất trí suy tôn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế để lãnh đạo quân dân cả nước chuẩn bị kháng chiến.

Sau khi ổn định tình hình nội bộ, Lê Hoàn đã chủ động hoạch định 1 chiến lược phá Tống rất có hiệu quả. - Một mặt ông huy động quân sỹ và nhân dân khẩn trương chuẩn bị chống giặc.

- Một mặt ông tìm kế hoãn binh để củng cố thêm lực lượng kháng chiến, nhất là để bẻ gãy kế hoạch abn đầu và chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của quân Tống.

Ngày mùng 1 Canh Tý tháng 11 năm Canh Thìn (10-12-980), Lê Hoàn sai Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ mang cống vật và chiếu thư giả là của Đinh Toàn xin phong vương. Song lúc bấy giờ, quân Tống đang trên đường tiến sang nên vua Tống cự tuyệt cho rằng bên ta muốn hoãn binh.

Trước tình thế ấy, Lê Hoàn chủ động bày sẵn thế trận phá giặc:

- Vua cử Phạm Cự Lượng và nhiều tướng lĩnh trấn giữ các nơi hiểm yếu

- Nhà vua thân chinh dẫn đại quân từ kinh thành Hoa Lư theo đường Thủy, ngược sông Đáy, sông Nhuệ mà vào sông Hồng, rồi từ đó tiến lên miền địa đầu đông bắc đất nước.

- Nhận rõ vị trí quan trọng của sông Bạch Đằng và theo kinh nghiệm của Ngô Quyền 43 năm trước, Lê Hoàn sai quân sỹ đóng cọc và bố trí trận địa chặn giặc ở đây

Trên các tuyến đường quân địch có thể tiến công, 1 thế trận đánh giặc dựa vào sức mạnh đoàn kết toàn dân, dựa vào địa hình lợi hại của đất nước đã được hình thành DIỄN BIẾN: Ngày Ất Dậu tháng 12 năm Canh Thìn (24-1-981) cánh quân Thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy ồ ạt tiến vào cửa Bạch Đằng. Ngay lập tức, các đạo quân thủy bộ của ta nhất loạt xông ra chặn đánh quyết liệt. Đoàn binh thuyền của địch lúng túng, vất vả chống đỡ các đợt tấn công của ta. Nhưng quân Tống đông, quân ta bất lợi, 200 thuyền chiến đầu đề bị địch lấy mất. Hầu Nhân Bảo tiến quân lên phía trước.

Trong trận này quân ta tổn thất đáng kể, hơn 1000 chiến binh hy sinh. Thủy quân Hầu Nhân Bảo tuy thiệt hại một số nhưng vẫn vượt qua được trận địa cọc, chiếm được sông Bạch Đằng và các làng mạc xung quanh. Chúng đặt “Giao Châu hành doanh” tại đó để phối hợp quân thủy bộ, bước tiến sâu vào nội địa nước ta.

Mặc dù bị tổn thất trong trận đầu nhưng quân ta vẫn quyết tâm chiến đấu. Trên trục đường bộ từ Ung Châu kéo sang, cánh quân do Tôn Hoàn Hưng chỉ huy bị quân chủ lực cùng với dân binh địa phương liên tục chặc đánh, khiến cho chúng phải chật vật đến ngày 30-1-981 mới đến được Hoa Bộ, gần kề sông Bạch đằng.

Tuy nhiên các đạo quân thủy bộ Tống không thể liên lạc được. Quân dân Đại Cồ Việt đánh trả rất quyết liệt. Tôn Hoàn Hưng hoảng sợ đóng lý ở Hoa Bộ, mặc cho Hầu Nhân Bảo nhiều lần thúc giục. Y viện cứ chờ bọn Lưu Trùng đưa viện binh sang sẽ ... tiến quân một thế.

Đến tháng 2 năm tân tỵ (3-981), sau hơn 2 tháng chiếm bạch đằng – Hoa Bộ, cả 2 cánh quân Tống vẫn dậm chân tại chỗ. Chúng liên tục bị quân chủ lực và dân binh các làng xã tập kích quấy rối, làm cho lực lượng bị tiêu hao, tinh thần binh lính suy giảm..

Chờ mãi không thấy viện binh của bọn Lưu Trùng và Trần Khâm Tô, khoảng trung tuần tháng 2 Tân Tỵ, Hầu Nhân Bảo quyết định cùng Quách tiến kéo toàn bộ quân thủy bộ dưới quyền tiến từ sông Bạch Đằng đến sông Luộc để phá thành Bình Lỗ mà vào chiếm Hoa Lư. Nhưng tại đây, quân và dân Đại Cồ Việt đã chiến đấu rất dũng cảm. Đạo thủy binh Hầu Nhân Bảo bị giáng 1 đòn nặng nề, quân Tống thua to phải quay binh thuyền rút về sông Bạch Đằng. ý đồ muốn lập công chiếm Hoa Lư khi viện binh chưa sang của Hầu Nhân Bảo bị đập tan.

Trận đánh này được Trần Hưng Đạo đánh giá rất cao:

“Đời Đinh – Lê dùng được người tài, giỏi... xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống” Sau thất bại ở Lục Giang, trở lại sông Bạch Đằng, đạo thủy binh Hậu Nhân Bảo rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Tuy viện binh Tống đã kéo sang từ tháng 3 năm tân Ty, nhưng “Giao Châu hành doanh” vẫn không sao thực hiện được kế hoạch hợp điểm, hội sư để cùng tiến chiếm Hoa Lư. Liên quân Lưu Trùng – Tôn Toàn Hưng tiến quân đến thôn Đại La (Đa Ngư) nhưng không gặp chủ quân ta để giao chiến, lại vội vã rút quân về Hoa Bộ. Cánh quân bộ do Trần Khâm Tộ chỉ huy tiến xuống Tây Kết theo sự phân công của Tôn Toàn Hưng cũng trở thành đạo quân bị cô lập, ở vào tình thế dễ bị đối phương truy kích tiêu diệt cánh quân thủy của Hậu Nhân Bảo từ sau trận Lục Giang vốn đã bị tiêu hao sinh lực, phương tiện chiến đấu, lại bị chia cắt khỏi thế trận liên kết chung. Ý đồ tiêu diệt quân chủ lực của ta hoàn toàn thất bại.

Trong khi đó, Lê Hoàn một mặt viết thư giả vờ xin hàng khiến cho bọn Hậu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng tưởng thật mà lơ là việc phòng bị. Mặt khác ông bí mật tăng cường lực lượng chuẩn bị 1 trận quyết chiến giáng đòn quyết định. Ông chọn 1 khúc sông hiểm yếu rồi bố trí quân mai phục chờ sẵn.

Ngày Kỷ mùi tháng 3 Tân ty (28-4-981), Lê Hoàn cho 1 cánh quân ra khiêu chiến với quân Hậu Nhân Bảo. Chiến sự đang diễn ra quyết liệt thì quân ta “thua chạy”, quân Tống “thừa thắng” đuổi theo. Khi chiến thuyền của Hậu Nhân Bảo lọt vào trận địa mai phục, Lê Hoàn tung quân ra đánh ráo riết. Các chiến binh Đại Cồ Việt từ khắp các trận địa mai phục và từ các nẻo đường đổ về sông Bạch Đằng vây đánh quân Tống quyết liệt. Hậu Nhân Bảo bị giết chết trong đám loạn quân. Lưu Trùng vội vã dẫn đám tàn quân tháo lui ra biển.

Nghe tin Hậu Nhân Bảo bị giết trên sông Bạch Đằng, Tôn Toàn Hưng hoảng hốt dẫn quân bỏ chạy, đạo quân Trần Khâm lo sợ rút lui, bị quân ta truy kích tiêu diệt quá nửa. Các tướng Tống là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân bị bắt sống tại trận.

Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thời Tiền Lê đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng của quân dân ta mùa xuân năm tân ty (981), đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Bạch Đằng 28-4-981 đã giáng đòn quyết định làm sụp đổ hoàn toàn tinh thần và ý chí xâm lược của triều đình Tống. Vua Tống Thái Tông buộc phải ra lệnh rút lui, từ bỏ dã tâm xâm lược Đại Cồ Việt -

NGHỆ THUẬT TÁC CHIẾN: Diễn biến của trận đánh cho thấy trình độ nghệ thuật quân sự của dân tộc ta lúc này đã có sự phát triển mới, từ nghệ thuật quân sự của chiến tranh giải phóng sang chiến tranh bảo vệ Tổ quốc., thể hiện qua các mặt sau:

- Nghệ thuật chủ động bố trí thế trận
- Khéo lợi dụng địa hình, địa thế - Chọn đúng đối tượng tác chiến
- Biết dùng mưu kế
- Sự phối hợp tác chiến giữa quân chủ lực và dân binh ở các địa phương

1- Nghệ thuật chủ động bố trí thế trận chống giặc và phá giặc Biết trước âm mưu của địch sang xâm lược, và mục tiêu là cố chiếm cho kỳ được thành Hoa Lư, Lê Hoàn đã nhanh chóng xác định đúng phương hướng chống giặc, không bị động ngồi chờ đánh giặc.

Từ tháng 11-980, nhà vua trực tiếp dẫn đại quân ra miền địa đầu đất nước bờ phòng, sẵn sàng đón đánh các đạo quân giặc ngay khi chúng vừa xâm phạm đất đai Tổ quốc nhằm “lấy quân nhân đợi quân mệt”, phá vỡ ý đồ hợp điểm, hội sư của chúng, không cho chúng phối hợp thủy bộ tạo thành mũi dùi nguy hiểm thọc sâu vào vùng đồng bằng đông dân, giàu của và kinh đô Hoa Lư.

Thực tế cho thấy, các trận đánh ở Bạch Đằng (24-1-981), Hoa Bộ (30-1-981), Đỗ Lễ (7-2-981), Lục Giang (3-981) là những trận đánh có tính chất kiềm chế, ngăn chặn những mũi tiến công theo 2 hướng thủy bộ của địch. Kết quả là cánh quân bộ binh của Tôn Toàn Hưng dậm chân ở Hoa Bộ 70 ngày. Và cả 2 đạo quân thủy bộ sau hơn 2 tháng tiến vào nước ta, bị nhiều tổn thất, khó khăn mà vẫn chỉ quần quanh ở vùng Bạch Đằng, Hoa Bộ. Dẫu cánh quân của Trần Khâm tộ đến được Tây Kết (4-981) thì cũng hiển nhiên rơi vào thế bị cô lập.

Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của quân Tống bị phá sản. Chính lúc đó Lê Hoàn chủ động mở cuộc phản công chiến lược, đánh trận quyết chiến bạch đằng và giành được thắng lợi.

2- Khéo léo lợi dụng địa hình, địa thế trên dọc các trục đường hành quân của địch mà lựa chọn các khu vực tác chiến có lợi nhất cho ta, bất lợi nhất cho địch Phát huy thế mạnh đánh giặc ngay trên quê hương mình và biết rõ âm mưu của uq6an Tống, Lê Hoàn đã dựa vào hình sông thế núi hiểm trở của

đất nước mà bố phòng các đồn lũy, đắp xây thành Bình Lỗ, đặc biệt là đóng cọc ngăn sông Bạch Đằng. Với vị trí hiểm yếu tự nhiên của sông Bạch Đằng, binh lực của ta ở đây bố trí không cần quá nhiều mà vẫn có thể cầm giữ, ngăn cản bước tiến quân địch.

Tuy trận Bạch Đằng năm 981 chưa phát huy được tác dụng là cái bẫy đánh giặc như thời Ngô Quyền, nhưng thực sự trở thành 1 chương ngại vật đối với các đạo thủy binh Tống. 3- Chọn đúng đối tượng tác chiến. Để nhanh chóng làm suy sụp tinh thần của đội quân xâm lược Tống, quân và dân ta đã biết chọn đúng đối tượng để giáng đòn phản công quyết định. Đối tượng tác chiến trong trận Bạch Đằng xuân 981 là toàn bộ đội binh thuyền của Hầu Nhân Bảo. Đó là viên Tổng chỉ huy “Giao Châu hành doanh”, và là viên tướng lâu nay mang nhiều tham vọng nhất, liêu lĩnh và hiểu chiến nhất. Y cũng là viên tướng tỏ ra có kỷ luật nhất, có quyết tâm thực hiện chiến lược của Tống triều và đã nhiều lần thúc giục Tôn Toàn Hưng cùng xuất quân đánh chiếm Hoa Lư.

Do đó trận đánh ta đạo thủy binh Tống và giết chết chủ tướng giặc đã có tác động đến toàn cục của chiến tranh. Quân ta đánh đòn quyết định đối với đạo thủy binh Hầu Nhân Bảo vào lúc đạo quân này đã bị chia tách khỏi thế trận liên kết của giặc Tống. Tôn Toàn Hưng và Lưu Trừng đang co cụm chiến lược ở vùng Hoa Bộ để tránh bị ta tiêu diệt. Trần Khâm Tộ và đạo quân bộ lẻ loi của chúng còn đang sa lầy trên cánh đồng Tây Kết. Chính vì thế khi ta tổ chức phản công, Hầu Nhân Bảo không có quân ứng cứu, bị quân ta giết chết tại trận.

4- Biết dùng mưu kế đánh địch Diễn biến chiến sự cho thấy giết Hầu Nhân Bảo không mấy dễ dàng. Bởi vậy Lê Hoàn mưu tính dùng kế trá hàng hy vọng giết đúng tên chủ tướng. Muốn vậy:

- Bên trong bí mật củng cố lực lượng, bài binh bố trận, phòng bị cẩn mật

- Bên ngoài thì giấu binh, nói vây hãm, giảm canh phòng

- Đồng thời thư từ sang Tống tỏ vẻ run sợ, dùng lời lẽ nhún nhường, ngỏ lời cầu xin quy phục để bảo toàn tính mạng. “Lê Hoàn giả vờ xin hàng, mà Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng cứ tưởng là thật...” “Tôn Toàn Hưng cùng Lưu Trừng hợp quân lại, theo đường thủy đến đồn Đại la, nhưng không thấy giặc đâu, lại phải quay về Hoa Bộ”

(Tống sử) Điều này chứng tỏ Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng mắc lừa

mưu kế của Lê Hoàn mà lơ là không phòng bị. Do đó khi bị ta đánh, Hầu Nhân Bảo hoàn toàn bất ngờ, không kịp chống đỡ và bị giết chết.

5- Phối hợp tác chiến giữa quân chủ lực và dân binh ở các địa phương Việc Lê Hoàn truyền hịch cầu tài, xuống chiếu tuyển quân, thu lương ở khắp mọi miền đất nước đã thực sự phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt. Những trận đánh lớn, ngoài quân chủ lực của triều đình còn có sự tham gia rất tích cực của các đội dân binh địa phương. Dân binh các làng xã còn thường xuyên tập kích, quấy rối những lúc quân địch đang dẫm chân tại chỗ, chưa tiến được khiến cho chúng bị tiêu hao lực lượng, tinh thần hoang mang.

--- Tóm lại, quân dân Đại Cồ Việt đã vận dụng tài giỏi nghệ thuật quân sự phù hợp với điều kiện một nước nhỏ chống lại cuộc xâm lược của một đế chế phong kiến lớn mạnh. Chiến thắng xuân Tân Ty là thắng lợi của nền nghệ thuật quân sự Đại Cồ Việt với nền nghệ thuật quân sự xâm lược của nhà Tống

Chương 3: Trận Bình Lệ Nguyên (17-1-1258)

(Phân tích) Bình Lệ Nguyên là trận đánh lớn đầu tiên của quân và dân nhà Trần được ghi lại trong sử sách kể từ khi quân Mông Cổ kéo vào xâm lược đất nước ta. Mặc dù chưa đánh bại được đạo quân xâm lược, không chặn đứng được cuộc tấn công của chúng nhưng trận Bình Lệ Nguyên đã làm cho kế hoạch tiến công của chúng bị thất bại ngay từ đầu. Lối đánh chớp nhoáng của đạo quân thiện chiến này không có được kết quả như chúng từng đạt được trong suốt nửa thế kỷ chinh phục các dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới.

Đây là sự cảnh báo đầu tiên của quân dân Đại Việt đối với đạo quân Mông Cổ hung hãn đã từng làm mưa làm gió khắp tứ Á sang Âu: Cuộc chinh phục quốc gia Đại Việt không dễ dàng.

Đặc điểm nghệ thuật quân sự của trận Bình Lệ Nguyên là quân nhà Trần đã biết rút lui đúng lúc để bảo toàn lực lượng tiếp tục kháng chiến. Trước khi quân Mông Cổ xâm lược nước ta, quân dân thời Trần chưa 1 lần giao chiến nhưng cũng có được những thông tin về đạo quân hung bạo và thiện chiến này. Với ý thức tự chủ và quyết tâm bảo vệ chủ quyền dân tộc trước sự kè cả và ngông cuồng của những tên sứ giả Mông Cổ, nhà Trần đã không ngần ngại tổng giam chúng vào ngục tỏ rõ ý chí độc lập tự chủ và kiên quyết phát động toàn dân đứng lên đánh giặc.

Biết được thế giặc, quân ta không quyết chiến với chúng ở ngay biên giới mà tổ chức đánh chặn từng bước. Khi những đạo quân phòng thủ của ta không chặn được cuộc tiến công của chúng, ta bèn lập các tuyến phòng ngự ở sâu trong nội địa chặn giặc và tiêu diệt chúng để bảo vệ kinh thành, và vua Trần Thái tông đã thân hành đốc chiến. “Vua thân đem 6 quân đi chống giặc”. (6 quân là các quân Thiên Thuộc, Thiên Chương, Thánh Dực, Chương Thánh, Thần Sách, Cung Thần. Đó là toàn bộ quân chủ lực nhà Trần lúc đó).

Bình Lệ Nguyên là chiến tuyến phòng ngự nằm ở phía bắc cách kinh đô không xa, trực tiếp bảo vệ kinh đô trước cuộc tiến công của quân xâm lược. Nhưng sau khi quân ta tiếp chiến, trước thế giặc đông và mạnh, nhận thấy nếu cứ tiếp tục giao chiến ta càng bất lợi nên Trần Thái Tông cùng các tướng lĩnh quyết định nghe theo lời khuyên sáng suốt của Lê tần, tạm lui quân để tránh nhuệ khí ban đầu của địch.

Việc quân ta rút khỏi Bình Lệ Nguyên sau khi đã giáp chiến với quân Mông Cổ chứng tỏ khả năng phân tích đánh giá đúng thực lực ta và địch của những người chỉ huy cuộc chiến đấu, trong đó tiêu biểu là Lê Tần trước quân địch lớn mạnh. Ông đã biết lượng sức mình không dốc toàn lực rạch ròi, tránh quyết chiến trong điều kiện không có lợi khi cuộc chiến tranh mới bắt đầu, mà quyết định lui quân để tránh cái thế hăng hái ban đầu của quân Mông Cổ, nhằm bảo toàn lực lượng, tranh thủ thời gian, tạo nên thế có lợi cho ta để rồi từng bước tiêu diệt địch, giành thắng lợi cuối cùng

Do biết rút lui đúng lúc nên vua Trần Thái Tông cùng lực lượng quân chủ lực của triều đình đã được bảo toàn. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ cuộc kháng chiến sau này.

Khi xâm lược nước ta, quân Mông cố dùng chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sở trường của chúng, phát huy thế áp đảo của đội kỵ binh thiện chiến, hy vọng sẽ tiêu diệt lực lượng quân sự của ta trong thời gian ngắn. Chiến lược này chúng đã thực hiện thành công ở nhiều nơi. Ý đồ đó cũng thể hiện rõ trong kế hoạch vượt sông của Ngột Lương Hợp Thai. Chúng muốn tiêu diệt quân chủ lực của ta ở đây nhằm nhanh chóng kết thúc thắng lợi cuộc xâm lược.

Về phía ta, lập trận địa phòng ngự ở Bình Lệ Nguyên, nhà Trần muốn tận dụng sông Cà Lồ làm chiến hào chặn giặc, làm cho quân mã Mông Cổ không thể thi thố được tài năng. Quân ta quyết giao chiến ở Bình Lệ Nguyên, nhằm chặn không cho chúng kéo vào Thăng Long. Nếu rời bỏ trận địa là đồng nghĩa với bỏ ngõ đường vào kinh thành. Một số tướng lĩnh muốn quyết chiến với quân xâm lược tại đây chính là như vậy. Nhưng nếu cứ tiếp tục chiến đấu, lực lượng của ta khó bảo toàn trước thế mạnh của kẻ thù. Trước tình hình hiểm nghèo, vua Trần Thái Tông cùng các tướng lĩnh đã quyết định lui quân.

Việc lui quân lúc này là cần thiết vì cuộc chiến đấu chống xâm lược mới giai đoạn đầu. Bộ Thống soái và quân chủ lực được bảo toàn sẽ là nền tảng để phát triển thế và lực đánh bại địch trong những giai đoạn sau. Đây là cách sử trí linh hoạt dũng cảm, và duy nhất đúng khi thực lực của ta chưa đủ mạnh và khả năng của ta chưa đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ tác chiến đã định.

Trong khi thực hiện kế hoạch rút lui, quân ta vẫn tích cực chiến đấu để từng bước ngăn chặn tiêu hao sinh lực địch. Rời Bình Lệ Nguyên, vua tôi nhà Trần lui về Phủ Lỗ chỉ cách Bình Lệ khoảng 20 km. Tại Phủ Lỗ, quân nhà

Trần đã cho phá xâu và dàn trận ở bên sông tiếp tục chặn giặc. Khi quân giặc sang được bờ bên này, quân ta đã rút đi. Cuộc rút lui của vua tôi nhà Trần là cuộc rút lui tích cực.

Quá trình rút lui vẫn là quá trình chiến đấu ngăn chặn địch. Rút lui để xoay chuyển tình thế, tìm 1 thế trận khác có lợi hơn, tạm thời nhường địch 1 bước, rồi đưa chúng vào thế bất lợi hơn. Kế hoạch lui quân do Lê Tần đề xuất là sự mở đầu cho việc hình thành nên nghệ thuật chỉ đạo rút lui chiến lược của nhà Trần trong các cuộc kháng chiến sau này. Đó là: Trước kẻ thù lớn mạnh đang muốn phát huy ưu thế muốn tiêu diệt quân chủ lực của ta và bắt sống bộ thống soái cuộc kháng chiến nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc xâm lược. Ta chủ trương tránh những trận quyết chiến trong điều kiện không có lợi cho ta, quyết định rút lui chiến lược nhằm bảo toàn lực lượng, sau đó chuẩn bị thế và lực, tùy theo những điều kiện cụ thể tổ chức những đòn phản công chiến lược tiêu diệt địch, giành thắng lợi cuối cùng. Tài năng, mưu trí và lòng dũng cảm của Lê Tần được triều đình ghi nhận. Trước quân thần, vua Trần Thái Tông nói:

“Nếu trăm không có người giúp sức, thì làm gì có được ngày hôm nay. Nhà người nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này”.

Chương 4: Trận Đông Bộ Đầu (28 – 29-1-1258)

Qua diễn biến của trận tập kích Đông Bộ Đầu, có thể rút ra mấy vấn đề về nghệ thuật quân sự: 1- Đánh giá đúng địch, ta, xác định chính xác phải rút lui và rút lui đúng thời cơ Để tránh sức mạnh ban đầu và sở trường của địch, nhà Trần đã tiến hành rút lui chiến lược khỏi Bình Lệ Nguyên, sau đó rút lui khỏi cả kinh đô Thăng Long, làm kế hoạch bao vây, đánh tan quân ta của địch bước đầu bị thất bại. Để đảm bảo an toàn cho các lực lượng rút lui, quân Trần đã triển khai các điểm chốt chặn trên các trọng điểm như ở Phù Lỗ, quân ta phá cầu Phù Lỗ làm cho quân Mông Cổ không truy đuổi kịp vua Trần. Đồng thời quân ta sử dụng 1 bộ phận lực lượng cùng các lực lượng dân binh, thổ binh đánh nhỏ lẻ rộng khắp, cả trước mặt, sau lưng, 2 bên sườn địch; kết hợp với kế “thanh dã”, đã gây cho địch từ tập trung phải chuyển sang phân tán đối phó và luôn bị uy hiếp căng thẳng, mệt mỏi, thiếu lương thảo...

Khi tới Thăng Long thì chỉ là một kinh thành vắng lặng, chúng nóng ra xung quanh cướp phá lương thảo nhưng lại bị đánh trả quyết liệt. Quân ta ngày đêm tổ chức tập kích, quấy rối... vì vậy, địch không dám đóng quân trong thành mà đóng về bên Đông Bộ Đầu dừng lại điều chỉnh chiến lược. Về phía ta, khi tình hình thực tế chưa cho phép diệt địch triệt để, kịp thời thay đổi kế hoạch rút lui để bảo toàn lực lượng là hết sức đúng đắn.

2- Rút lui bí mật, nghi binh tạo bất ngờ cao, bảo toàn lực lượng, giữ vững ý chí chiến đấu, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho tổng phản công. Quân ta chủ động rút khỏi Thăng Long, không những bảo toàn được lực lượng, tranh thủ được thời gian, tạo thời cơ để phản công mà còn đặt địch trước tình thế không thực hiện được chiến lược đề ra. Một trong những tình huống khó khăn và đáng lo ngại nhất của quân Mông Cổ là không biết tình hình và ý định hành động của quân ta. Quân dân Đại Việt đã chủ động tạo nên cục diện mới trên chiến trường. Đại quân và triều đình theo sông Hồng rút về xuôi, đóng dọc khúc sông Thiên Mạc.

Quân ta dùng thuyền rút theo đường sông nên kỵ binh Mông Cổ nếu truy kích sẽ gặp khó khăn. Mặt khác địch lại không rõ tình hình, ý định của ta nên không dám truy kích. Tại vùng Thiên Mạc, quân ta nhanh chóng củng cố, tăng cường lực lượng. Và khi thời cơ đến, binh thuyền của ta có thể nhanh

chóng theo sông Hồng tiến về Thăng Long phản công được thuận tiện.

3- Chọn thời cơ tập kích chính xác, kiên quyết, đúng mục tiêu, hướng chủ yếu, vận dụng phương pháp phản công sáng tạo. Trong cuốn “Bình thư yếu lược đã tổng kết về thời cơ như sau: “Thời là cái đến không đầy chớp mắt, trước thì thái quá, sau thì bất cập...” Quân Mông Cổ không dám đánh trong thành Thăng Long, phải cùm lại ở Đông Bộ Đầu trong vòng vây của thế đánh nỏ lè. Sau 1 cuộc hành quân chiến đấu trên quãng đường dài, sinh lực bị tiêu hao, binh lính mệt mỏi và bắt đầu mất hết tinh thần chiến đấu. Sau 9 ngày vào thăng Long, quân Mông Cổ đã mất hết “nhuệ khí ban mai” của 1 đạo quân tiến công như lốc cuốn...

Đó là thời cơ để nhà Trần phản công. Khi đã phản công tập kích thì quân nhà Trần tập kích kiên quyết liên tục... Mặc dù đạo quân chủ lực do vua Trần chỉ huy còn chưa tới, trong đêm nắm lấy thời cơ có lợi, tướng Trần Khánh Dư lập tức hạ lệnh đánh úp... lực lượng địch có khoảng 3 vạn tên được xác định là mục tiêu chủ yếu. Lực lượng phản công của nhà Trần chia làm 2 cánh, 1 cánh theo đường bộ cơ động triển khai trước, cánh chủ yếu theo đường thủy (sông Hồng) đổ bộ lên đánh thẳng vào cụm quân địch. Lợi dụng đêm tối, quân ta quen địa hình, cuộc phản công được vận dụng dưới hình thức 1 trận tập kích lớn, chia cắt người và ngựa quân địch, giành thắng lợi quyết định trong đêm. Nghệ thuật rút lui và nghệ thuật phản công trong chiến trận Đông Bộ Đầu thể hiện đầy đủ tính tích cực, chủ động tiến công địch, thực hiện rút lui chiến lược, tiến công nhỏ lẻ rộng khắp buộc địch co cụm lại.

Địch sa vào thế bị động chống đỡ, từ mạnh chúng chuyển thành yếu. Đó là thời điểm để quân ta tập kích đạt hiệu quả cao nhất. Ta từ thế yếu thành mạnh, mạnh chuyển thành thắng thông qua đòn tập kích quyết định. Giặc Mông Cổ có ưu thế về kỵ binh cơ động nhanh nhưng ta đã không cho chúng có dịp phát huy. Tạm lùi 1 bước, tập trung lực lượng, chớp thời cơ có lợi để phản công, xác định hướng chiến lược chính xác, cách đánh úp ban đêm táo bạo, tận dụng được yếu tố bí mật, bất ngờ, hạn chế được sở trường của kỵ binh địch (người tách khỏi ngựa) là những kinh nghiệm lớn rút ra từ chiến thắng Đông Bộ Đầu. Những kinh nghiệm ấy là nền móng hình thành nên tư tưởng chiến lược “lấy nhàn chờ nhọc” “lấy đoản binh phá trường trận” mà Trần Quốc Tuấn và Triều đình nhà Trần đã áp dụng thành công trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần 2 và lần 3.

Về việc phá cầu Phù Lỗ này có nhiều tư liệu khác nhau:

- An Nam chí lược của Lê Trắc chép trận đánh trước đó là trận Nỗ Nguyên,

không phải là Bình Lệ Nguyên và sau đó: “ Ngày hôm sau, vua Trần chặt cầu Phù Lỗ, bày trận ở bên kia sông. Quân { Mông Cổ } muốn sang sông, chưa dò được nông sâu, bèn theo bờ sông bắn vào nước, nghiệm chỗ nào tên bắn xuống nước mà không nổi lên là cạn, lập tức dùng kỵ binh qua sông. Ngựa nhảy lên bờ, che mà đánh, quân An Nam vỡ. “.

- Về trận Phù Lỗ này, quốc sử và Nguyên sử đều không chép ---> chưa chắc đã có thật. Dù có thật thì đây cũng là một trận nhỏ như Lê Trắc: giặc vừa qua được sông, chợt đánh thì quân ta vỡ ngay.

- Giả thiết khác: Thua trận Bình Lệ Nguyên { Nỗ Nguyên? }, Thái Tông cho rút quân. Quân thủy lui theo sông Hồng, trên bờ có quân kỵ, bộ theo yểm hộ. Phần lớn theo vua và Lê Phụ Trần rút theo đường bộ. Giặc dùng quân kỵ đuổi theo { giống ngựa Hồ của Mông Cổ tuy nhỏ bé nhưng dai sức, đi xa không mệt nên giặc có ưu thế hơn }. Khi quân ta qua cầu Phù Lỗ rồi thì chặt, phá đi khiến giặc đuổi theo đến nơi thì mắc sông không qua được. Đến khi tìm được chỗ nông, qua được sông thì quân ta đã đi khá xa, thẳng đường qua Đông Ngàn, Gia Lâm về Thăng Long. Giặc đuổi không kịp nữa.

Về địa danh Bình Lệ Nguyên: đây là tên một bến sông Hồng, dưới ngã ba Hạc { Việt Trì ngày nay }. Theo nhà sử học Đào Duy Anh thì đây là huyện Bình Nguyên, đời Mạc đổi là Bình Tuyên sau lại đổi là Bình Xuyên tức huyện Bình Xuyên, Vĩnh Yên sau này. Nó nằm tại xã Tam Canh giáp giới giữa Vĩnh Yên và Phúc Yên ngày nay. Năm 1287 ông hoàng Sáo { Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật } phục binh đánh quân Ai Lỗ từ Vân Nam kéo sang. Bến Đông Bộ Đầu: Trần Trọng Kim viết trong Việt Nam sử lược: Đông Bộ Đầu ở phía đông Nhị Hà thuộc hạt Thượng Phúc. Có ý khác cho rằng Đông Bộ Đầu vốn nằm ở bến dốc Hàng Than hiện nay vì cho rằng:

Đông Bộ Đầu còn gọi là Đông Tân có nghĩa là bến Đông vậy phải nằm ở phía đông thành Thăng Long, hay phía đông sông Hồng { vị trí của dốc Hàng Than hiện nay }

Chương 5: Trận Chương Dương - Thăng Long (5-6-1285)

Trong cuộc chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần 2 (1285, Trận Chương Dương – Thăng Long có 1 vị trí to lớn. Đây là 1 trận then chốt quyết định thắng lợi của quân dân nhà Trần với quân xâm lược Mông - Nguyên ngay trên mảnh đất kinh thành Thăng Long. Diễn biến trận đấu cho thấy trình độ nghệ thuật quân sự của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ 2 đã phát triển rất cao. Nổi bật nhất là nghệ thuật nắm thời cơ, chọn đúng thời cơ tổ chức trận phản công chiến lược, chiếm lại kinh thành Thăng Long. Đó là lúc đạo quân chủ lực của Thoát Hoan đang chiếm giữ kinh thành Thăng Long bị lâm vào tình thế khôn quẩn. Sau hơn 4 tháng ồ ạt tiến vào nước ta, quân Nguyên vẫn không thực hiện được ý đồ tiêu diệt quân chủ lực Đại Việt. Chúng cậy quân đông, muốn đánh lớn vài trận để nhanh chóng kết thúc chiến tranh nhưng không tài nào buộc được quân chủ lực nhà Trần nghênh chiến trực diện.

Quân Nguyên càng tiến sâu để tìm kiếm chủ lực ta, thì lại bị đánh ở sau lưng, ở 2 bên sườn và càng bị thương vong tổn thất nhiều. Kỵ binh, lực lượng thiên chiến của quân Nguyên, đã từng làm mưa, làm gió trên chiến trường các nước châu u, không thể phát huy sức mạnh trên chiến trường Đại Việt. Rốt cuộc là quân Nguyên rơi vào tình thế lúng túng, không biết đánh ta như thế nào. Thoát Hoan bị động, buộc phải phân tán quân, đóng ở các đồn nhỏ dọc sông Hồng từ Thăng Long, đến Thiên Trường, Trường Yên để đối phó với quân ta. Ý đồ hội quân với Toa Đô ở phía Nam không thực hiện được, nên đạo quân Thoát Hoan trở nên cô lập ở kinh thành Thăng Long Mặt khác, đạo quân của Thoát Hoan cũng đang khôn đốn do thiếu ăn, bởi vì, quân dân nhà Trần trước khi rút lui khỏi kinh thành Thăng Long đã kịp thời chuyên chở hoặc cất dấu hết lương thực, chỉ còn lại 1 tòa thành trống rỗng. Thoát Hoan cầu xin lương thảo từ bên nước sang, nhưng mọi ngã đường đều bị quân Trần bịt kín. Chúng mò ra khỏi thành đi cướp lương ăn, thì chỗ nào cũng bị chặn đánh. Đồng thời do không hợp thủy thổ, thời tiết nóng nực, nên quân Nguyên vốn đã mỏi mệt, đói ăn càng dễ ốm đau, mắc bệnh. Chúng đâm ta chán nản, không thiết đánh mà chỉ muốn trở về nước..

Thời cơ tiến công cụ thể cũng được chọn đúng lúc, vào lúc đại quân trần đã tiêu diệt được các cứ điểm của địch ở A Lỗ, Giang Khẩu, tây Kết – Hàm Tử... dọc theo sông hồng. Tuyến hành lang nối liền các đạo quân Nguyên từ

Thăng Long đến Thiên Trường, Trường yên bị quân Đại Việt đập tan. Thừa thắng các đạo quân Trần nhanh chóng tiến về Chương Dương, Thăng Long. Đạo quân Thoát Hoan ở Thăng Long bị vây tứ phía, trở thành 1 đám cô quân, tiến thoái đều khó --

Toàn bộ tình hình trên cho thấy, Bộ thống soái nhà Trần đã biết giành thời cơ có lợi nhất để mở trận đánh Chương Dương – Thăng Long. Nhờ vậy quân ta đã nhanh chóng giành thắng lợi đẩy đạo quân Thoát Hoan vào thế đường cùng, buộc chúng phải tháo chạy về nước. Sau khi các đòn đánh chia cắt, cô lập của ta giành thắng lợi, theo mưu kế của Trần Hưng Đạo, quân ta dùng 1 lực lượng lớn bất ngờ tập kích Chương Dương như 1 trận khêu ngòi tạo thế.

Chương Dương là 1 cứ điểm tiền tiêu, 1 là chắn bảo vệ phía nam Thăng Long, vừa là mặt xích quan trọng của tuyến phòng thủ nam sông Hồng, vừa là căn cứ đường thủy của địch. Để mất Chương Dương, Thăng Long bị uy hiếp và hoàn toàn cô lập. Thoát Hoan sẽ mất hết hy vọng hội quân với Toa Đô. Do đó, Thoát Hoan vội vã điều quân tinh nhuệ ra chiếm lại. Quân ta nhân cơ hội đó vừa dùng phục binh tiêu diệt quân cứu viện trên đoạn đường từ Thăng Long đến Chương Dương vừa thừa cơ Thăng Long sơ hở, bao vây vu hồi, đánh úp cơ quan đầu não của giặc.

Quân ta tổ chức thế trận đó đã đánh cho thế trận của địch tan vỡ, tinh thần binh sỹ hoàn toàn suy sụp mất hết tinh thần. Có thể hình dung trận này như sau:

- Đánh mạnh ở Chương Dương để như Thoát Hoan ở Thăng Long ra cứu viện. - Khi Thoát Hoan dẫn quân ra cứu Chương Dương thì quân ta đánh tập kích, mai phục.

- Khi Thăng Long bỏ ngỏ quân ta do Phạm Ngũ Lão chỉ huy đánh vu hồi, thu phục lại kinh thành Thăng Long Qua trận chiến quyết định Chương Dương – Thăng Long chúng ta thấy nhà Trần đã vận dụng các hình thức chiến thuật tài tình kết hợp phục kích với công kích và tập kích nhằm 1 mục đích chính là tiêu diệt chủ lực địch, thu lại Thăng Long, giải phóng đất nước.

Dưới sự chỉ đạo tài tình của tướng lĩnh nhà Trần, chiến trận Chương Dương – Thăng Long còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm lớn. Đó là tổng hợp sức mạnh của toàn dân tổ chức đánh địch khắp nơi, mọi lúc, buộc địch phải tác chiến liên miên, thường xuyên lâm vào thế bị động. Ngoài quân chủ lực của triều đình, khắp các lộ, các hướng, các xã trong cả nước đều có quân địa phương, có hướng binh, dân binh. Năm đúng thời cơ để phản công quyết liệt,

tiêu diệt 1 lực lượng lớn quân địch mà Chương Dương – Thăng Long đã để lại cho nền nghệ thuật quân sự Việt nam như 1 sự kiện điển hình TRẦN TY KẾT (24-6-1285) Cùng với chiến thắng Hàm Tử, Chương Dương, Thăng Long, Vạn Kiếp, trận Tây Kết là 1 trong những chiến công oanh liệt của quân và dân Đại Việt, đã xóa sổ 1 đạo quân quan trọng của giặc Nguyên và góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến. Đây là 1 trận thủy bộ giáp chiến rất ác liệt, thể hiện trình độ chỉ huy cao và nghệ thuật quân sự tài giỏi của bộ chỉ huy quân đội nhà Trần trước hết, đó là việc chọn thời cơ tổ chức trận đánh tiêu diệt đạo quân lớn của giặc Nguyên do Toa Đô cầm đầu. Đạo quân này được Hốt Tất Liệt cử đi chinh phục Chiêm Thành, rồi dùng đây làm căn cứ để bành trướng ra Đông Nam Á, trực tiếp chuẩn bị đánh Đại Việt bằng cuộc tiến công từ cả 2 phía bắc, nam. Nhưng đạo quân Toa Đô đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của Chiêm Thành.

Bị thiệt hại nặng nề, Toa Đô phải rút quân về phía bắc Chiêm Thành trong vùng Ô Lý, Việt lý (Quảng Trị, Thừa Thiên) và đóng lại ở đó chuẩn bị bàn đạp tiến công vào phía nam Đại Việt. Khi Hốt Tất Liệt phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt lần 2, để thực hiện kế hoạch “2 gọng kìm”, bọn Toa Đô, Giảo Kỳ và Đường Ngột Đãi dẫn quân từ bắc Chiêm Thành đánh ra phủ Bồ Chính (Quảng Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình) rồi tiến ra Nghệ An, Thanh Hóa.

Tuy có bị quân Đại Việt chặn đánh kịch liệt, nhưng quân Toa Đô giết hại nhiều binh lính và 1 số tướng Đại Việt như Đinh Xa, Nguyễn tất Thống, Chiêu Hiếu Vương, đại liêu Hộ... và ào ạt tiến ra được Trường Yên. Kế đó nghe tin vua tôi nhà Trần rút vào Thanh Hóa, Toa Đô lại được lệnh dẫn quân đuổi theo. Để hỗ trợ cho đạo quân này, Thoát Hoan sai bọn Ô Mã Nhi đem 1.300 quân và 60 thuyền chiến vào phối hợp. Cho đến trước hè 1285, đạo quân Toa Đô là lực lượng quân sự mạnh đứng thứ 2 sau đạo quân Thoát Hoan, và thực sự giữ vai trò là 1 gọng kìm lợi hại trong cuộc chiến tranh xâm lược của giặc Nguyên. Vì thế, bộ thống soái nhà Trần luôn chủ trương tránh giao chiến với đạo quân này. Thời điểm quyết định tổ chức trận đánh tiêu diệt đạo quân Toa Đô chỉ xuất hiện sau khi đạo quân Thoát Hoan, 1 trong 2 gọng kìm tiến công của địch bị quân ta đánh tơi bời, tan tác và buộc địch phải rút chạy về nước. Kế hoạch “2 gọng kìm” của địch hoàn toàn bị bẻ gãy, đã đặt đạo quân Toa Đô vào tình thế bị cô lập, lúng túng về chiến lược và suy sụp về sức chiến đấu. Nhờ biết rõ địch, phán đoán chính xác tình huống khi đạo quân Thoát Hoan bỏ chạy, bộ thống soái nhà Trần đã kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi tổ chức trận đánh tiêu diệt đạo quân Toa Đô đạt hiệu quả cao.

Đồng thời với việc chọn đúng thời điểm để tiêu diệt đạo quân Toa Đô, không cho chúng chạy thoát, bộ thống soái nhà Trần đã chủ động triển khai thế trận đánh địch khi chúng đang vận động từ xa tới. 2 vua Trần được tin Toa Đô từ Thanh Hóa kéo quân ra Bắc vào ngày 11-6-1285. Đó cũng là lúc 2 vua đã chiếm lại và hoàn toàn làm chủ vùng Thiên Trường – Trường Yên. Đồng thời ở phía bắc sông Hồng, đạo quân Thoát Hoan đang bị đạo quân do Trần Quốc Tuấn chỉ huy truy đuổi ráo riết. Tranh thủ thời gian, quân Trần tập trung lực lượng mọi mặt, bố trí sẵn sàng đón đánh địch theo kế hoạch như nhà vua dự tính: “Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thế tất mỗi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng”. Thực tiễn cho thấy, đạo quân Toa Đô hành quân liên tục từ xa tới, vốn đã mệt mỏi, lại thiếu lương ăn, công thêm thời tiết nắng nóng của mùa hè, thêm phần kiệt sức. Cho nên trong trận Tây Kết, quân và dân Đại Việt đánh địch trên thế mạnh, trên thế “lấy quân nhàn đánh quân mệt nhọc” và kẻ địch bị thất bại hoàn toàn.

Cũng trong trận đánh tiêu diệt đạo quân Toa Đô, bộ thống soái Trần đã biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với đánh địch bằng địch vận, tức là tiến công vào tinh thần chiến đấu của quân địch. 2 vua biết chắc chắn rằng, Toa Đô không nhận được lệnh của Thoát Hoan sai bọn chúng rút về Ô Lý để bảo toàn lực lượng. Việc Toa Đô dẫn quân ra bắc là nhằm hợp sức với đạo quân của Thoát Hoan để dễ bề tiến thoái. Vì thế, vua Trần đã sai người nói cho Toa Đô biết chủ tướng Thoát Hoan của chúng đã bỏ chạy. Đó là 1 đòn giáng mạnh vào tinh thần của 1 đạo quân vốn đã mệt mỏi vì hành quân và tác chiến liên tục, khiến cho chúng càng thêm suy sụp, chẳng còn bụng dạ nào mà chiến đấu nữa. Vì thế, khi ta mở mở đòn tiến công vào đạo quân Toa Đô, thì đội quân Nguyên do Tổng quản Trương Hiến chỉ huy đã nhanh chóng đầu hàng tại trận. Đó là hiện tượng hiếm thấy trong quân đội Mông – Nguyên vốn đánh đâu thắng đấy. Hiện tượng đó chứng tỏ trước những đòn tiến công dồn dập của ta có kết hợp địch vận đã làm cho đạo quân không lờ của địch sụp đổ về tinh thần và rã rời về tổ chức. Cho nên, chiến sự chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, nhưng thiệt hại của địch rất lớn, chủ tướng giặc bị chém đầu, hơn nửa lực lượng của chúng bị tiêu diệt.

Chương 6: Trận Như Nguyệt - Vạn Kiếp – Vĩnh Bình (6-7/1285)

Diễn biến chiến trận Như Nguyệt – Vạn Kiếp – Vĩnh Bình cho chúng ta thấy mấy vấn đề về nghệ thuật quân sự như sau: Đánh giá đúng thế và lực của địch, của ta trên chiến trường, kịp thời tổ chức chặn đánh buộc địch phải lọt vào trận địa đã chuẩn bị sẵn sàng của ta. Sau các trận A Lỗ, Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương, Thăng Long, tuy rằng địch còn rất đông nhưng về thế thì chúng đã nguy khốn, không thể ứng cứu lẫn nhau được, trong khi đó quân chủ lực của ta ở vào thế tự do cơ động nên tập trung giành ưu thế áp đảo, tiêu diệt từng đồn trại lớn của địch. Trước tình thế đó, Trần Quốc Tuấn phán đoán quân Thoát Hoan thế nào cũng rút chạy và có thể rút theo 1 trong 2 đường.

Thoát Hoan cố gắng hành động thật gấp nhằm làm cho ta không ứng phó kịp tình hình, và như vậy hắn sẽ rút đi được an toàn. Hắn chọn con đường ngắn nhất để thoát ra nhanh nhất: Đó là vượt sông Cầu qua Vạn Kiếp, Chi Lăng rồi sang Tư Minh. Nhưng mọi tính toán mưu toan của Thoát Hoan đều quá chậm và thấp so với dự kiến tình hình của bộ thống soái nhà Trần. Từ khi chuyển sang phản công, Trần Quốc Tuấn đã sớm triển khai thế trận để tiêu diệt địch, trên đường rút lui của chúng. Đặc biệt tại trận Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn chọn đoạn sông sách (tứ sông Thương, đoạn chảy qua Vạn Kiếp) bố trí quân thủy, quân bộ mai phục, nhằm đánh trận tiêu diệt lớn. Khi Thoát Hoan bắt đầu cuộc rút lui (10-6), Trần Quốc Tuấn phái tướng Trần Tung chỉ huy 2 vạn quân tấn công quyết liệt, đánh thất lung, phá vỡ đội hình cả đạo quân hậu vệ địch; chúng phải thúc nhau rút chạy.

Nhưng chúng lao đến sông Cầu thì lại bị đạo quân của tướng trẻ Trần Quốc Tuấn hợp lực cùng dân binh địa phương đổ ra đánh. Địch lâm vào thế phía trước bị chặn, phía sau bị đánh thúc. Thoát Hoan buộc phải chuyển hướng, xuôi theo bờ nam sông Cầu để vòng qua Vạn Kiếp. Trận đánh chặn địch của Trần Quốc Tuấn đã đạt được mục đích đề ra là buộc địch phải rút theo đường Vạn Kiếp – Nội Bàng (Trong chiến thắng đó, bên dòng sông Như Nguyệt, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Tuấn đã anh dũng hy sinh) Ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn đã bày sẵn thế trận đánh đòn quyết định do các tướng Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái chỉ huy. Ở đây, đồi núi giáp đường, giáp sông, quân ta chiếm địa thế có lợi, đánh cắt ngang đội hình địch. Trong khi tiền quân của địch bị đánh ở Vạn Kiếp thì trung quân của chúng còn chưa qua được

sông Lục Đầu cũng bị đánh mạnh, phải tranh nhau chạy làm đứt cả cầu phao. Và như thế toàn bộ đội hình hàng chục vạn quân của Thoát Hoan bị chia cắt, rối loạn, tê liệt. Sử cũ cho biết, sau trận Vạn Kiếp, Thoát Hoan chỉ còn thu được 5 vạn tàn binh nhưng đến Vĩnh Bình thì sa vào 1 trận địa mai phục nữa do Hưng Vũ Vương chỉ huy chặn đánh, lại tan tác. Các tướng giặc như Lý Hằng, Lý Quán cầm quân hộ vệ Thoát Hoan đều bị chết hoặc trọng thương.

Trên cơ sở nắm vững âm mưu địch và kinh nghiệm của những cuộc kháng chiến trước, Trần Quốc Tuấn chủ trương mở những trận quyết chiến tiêu diệt địch, đánh bại ý chí ngông cuồng của quân xâm lược Nguyên – Mông. Đánh địch trên đường rút lui là khi chúng ra khỏi căn cứ, lúc đó sức lực mỗi mệt, tinh thần hoang mang. Đó là thời cơ thuận lợi để quân ta tiêu diệt triệt để sinh lực địch. Chủ trương sáng tạo của Trần Quốc Tuấn trong trận truy kích này là ông không áp dụng hoàn toàn quan điểm của binh pháp Tôn Tử: "... địch đến lúc cùng khôn thì không nên bức bách quá" mà căn cứ vào tình hình thực tế của cuộc chiến. Có như vậy mới đánh bại hoàn toàn đạo quân xâm lược hùng mạnh của đế chế Đại Hãn, giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, lãnh thổ của đất nước

TRẬN VÂN ĐỒN (1-1288) Chiến thắng Vân Đồn có tầm quan trọng rất lớn đối với toàn bộ cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ 3: Làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của quân Nguyên, đẩy chúng vào khó khăn không thể khắc phục nổi về lương thảo. Đây là đòn chí tử, giáng đúng vào chỗ hiểm của đối phương. Đánh giá về chiến thắng Vân Đồn, sách Đại Việt SKTT viết: "Năm này, vết thương của dân không thắm như năm trước. Khánh Dư có phần công lao trong đó".

Chiến thắng Vân Đồn để lại bài học kinh nghiệm về nghệ thuật chỉ huy trên chiến trường. Đó là: Phán đoán tình huống đúng, kịp thời phát hiện và lợi dụng sai lầm của giặc, hạ quyết tâm chính xác, khẩn trương triển khai thế trận tiêu diệt địch giành thắng lợi. Bằng khả năng tư duy sắc bén, nhạy cảm cùng với việc nắm vững mọi hoạt động của kẻ thù, Trần Khánh Dư biết chắc đoàn thuyền lương của Trương Văn Hô còn đang ở phía sau. Trước lệnh triệu hồi của triều đình, ông vẫn bình tĩnh xin lui lại vài ngày. Sự phán đoán của ông hoàn toàn chính xác và ông đã lập được chiến công.

Dựa vào đâu Trần Khánh Dư có thể hạ quyết tâm sẽ lập công chuộc tội? Nếu chỉ dựa vào ý nghĩ chủ quan khó mà hạ được quyết tâm như vậy. Đây chính là kết quả của sự phán đoán chính xác và khả năng đánh giá đúng tình hình địch ta của vị tướng tài ba. Kịp thời phát hiện ra sai lầm của địch, triệt để lợi dụng sai lầm của chúng để tổ chức tác chiến giáng đòn mạnh mẽ, giành

chiến thắng. Điều này không phải lúc nào người chỉ huy cũng làm được. Trong hoàn cảnh thủy binh ta vừa thua trận, triều đình ra lệnh hỏi triều chịu tội, Trần Khánh Dư vẫn cùng binh tướng hạ quyết tâm đánh tiếp đoàn thuyền lương, và phải đánh thắng. Quyết tâm ấy đã được thể hiện bằng tài bố trí trận địa, khả năng như giặc và dũng cảm đánh giặc.

Trần Khánh Dư cùng quân sỹ chỉ trong thời gian ngắn đã bố trí dàn trận trên 1 địa bàn tương đối dài để đánh giặc. Phải có quyết tâm rất cao, sự đồng lòng của quân tướng mới có thể nhanh chóng tạo dựng được 1 trận địa như vậy. Với kinh nghiệm của 1 đội thủy binh đã từng xông pha nhiều chiến trận, dưới sự chỉ huy của vị tướng tài ba, quân Trần đã như được giặc vào sâu trong trận địa để rồi tung ra 1 lực lượng mạnh áp đảo khiến kẻ thù phải thất bại hoàn toàn. (Nghệ thuật phát hiện và triệt để lợi dụng sai lầm của địch, kịp thời tổ chức tiến hành tác chiến giành thắng lợi của trận Vân Đồn sau này được Quang Trung phát huy trong trận đánh trận tiêu diệt quân Thanh tết Kỷ Dậu 1789.

Vua Quang Trung đã quyết định đại phá quân địch trong thời gian chúng đang nghỉ ngơi và giành được thắng lợi hoàn toàn) Chiến thắng Vân Đồn là 1 chiến công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 3 của quân dân Đại Việt, là lưỡi dao cắt toàn bộ dạ dày của quân xâm lược, tạo ra tiền đề cho thắng lợi của ta và thất bại của giặc. Sử gia Ngô Thì Sĩ thế kỷ 18 đã viết: Việc đánh lui giặc Hồ ở đời trùng Hưng, ai cũng khen nhiều về chiến thắng trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo, mà không biết đến trận đánh thắng ở Vân Đồn của Trần Khánh Dư. Trận thắng ở Vân Đồn rất kỳ diệu và là căn bản của trận thắng sau đó... Trận thắng ở Vân Đồn là chệt con hổ mà cướp lấy mỗi... Mưu tính hiệu và công thắng địch của Trần Khánh Dư cũng vĩ đại thay

Chương 7: Trận Chi Lăng

Liễu Thăng tử trận. Từ khi quân Minh thua trận Tuy Động, Trần Hiệp bị giết, Vương Thông cho người về tâu với Minh để xin thêm binh. Minh để thất kinh, liền sai Chinh lỗ phó tướng quân An viễn Hầu là Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá là Lương Minh, Đô đốc là Thôi Tụ, Binh bộ Thượng thư là Lý Khánh, Công bộ Thượng thư là Hoàng Phúc, Hữu bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân, đem 10 vạn quân, 2 vạn ngựa, đi đường Quảng Tây sang đánh cửa Ba Lụy, bấy giờ là tháng Chạp năm Bính Ngọ (1427).

Lại sai Chinh Nam đại tướng quân Kiểm Quốc Công là Mộc Thạnh, Tham tướng An Hưng bá là Từ Hanh, Tây Ninh bá là Đàm Trung đi đường Vân Nam sang đánh cửa Lê Hoa. Khi các tướng nghe viện binh của quân Minh sắp đến, nhiều người khuyên vương đánh ngay lấy thành Đông Quan để tuyệt đường nội ứng, nhưng vương không nghe, bảo rằng: Việc đánh thành là hạ sách, nay ta hãy cứ dưỡng binh sức nhuệ để đợi quân địch đến thì ra đánh. Hễ viện quân mà thua, thì quân trong thành tất phải ra hàng. Thế có phải làm một việc mà thành được hai không? Đoạn rồi bắt phải giữ gìn mọi nơi cho nghiêm nhặt, lại bắt người Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Qui Hóa đi ở chỗ khác bỏ đồng không để tránh quân Minh. Đến tháng Mười (1427), Bình Định Vương nghe tin quân của bọn Liễu Thăng sắp sang đất An Nam, liền hội các tướng lại bàn rằng:

Quân kia cậy khoẻ khinh yếu, lấy nhiều bắt nạt ít, chỉ cốt đánh cho được, chứ không tưởng đến điều khác. Nay đường xa nghìn dặm, mà đi có mấy ngày, nếu ta nhân lúc người ngựa của chúng đang mỏi mệt, ta “dĩ dật đãi lao”, đánh là tất được. Bèn sai Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh, Đinh Liệt, Lê Thụ, đem 1 vạn quân và 5 con voi lên phục sẵn ở cửa Chi Lăng, để đợi quân Minh. Lại sai Lê Lý, Lê Văn An, đem 3 vạn quân cứ lục tục kéo lên đánh giặc. Bấy giờ Trần Lựu đang giữ cửa Ba Lụy (Nam Quan) thấy quân Minh đến, lui về giữ Ai Lưu; đến khi quân giặc đến đánh Ai Lưu, Trần Lựu lại lui về giữ Chi Lăng, cứ cách từng đoạn, chỗ nào cũng có đồn, quân Minh đi đến đâu không ai dám chống giữ, phá luôn một lúc được mấy cái đồn. Liễu Thăng đắc ý đuổi tràn đi. Bình Định Vương lại làm ra bộ khiếp sợ, cho người đưa thư sang nói với Liễu Thăng xin lập Trần Cao lên làm vua để xin bãi binh.

Liễu Thăng tiếp thư không mở ra xem cho người đưa về Bắc Kinh, rồi cứ

tiên lên đánh tiếp. Ngày 18 tháng 9, quân Liễu Thăng đến gần cửa Chi Lăng. Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh rồi bỏ chạy. Liễu Thăng mừng lắm, chỉ đem 100 lính kị đi đuổi theo, bỏ đại đội ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy không đi được, phục binh đổ ra đánh, chém Liễu Thăng ở núi Đào Mã Pha. Việc ấy vào ngày 20 tháng 9 năm Đinh vỵ. Bọn Lê Sát, Trần Lựu thừa thắng đuổi đánh quân Minh giết hơn 1 vạn người. Lúc bấy giờ đạo quân của Lê Lý cũng vừa đến, hội lại tiến lên đánh quân Minh, chém được Lương Minh ở giữa trận (ngày 25).

Lý Khánh thì tự tử (ngày 28). Còn bọn Hoàng Phúc và Thôi Tụ đem đại binh chạy về thành Xương Giang (thành của nhà Minh xây ở xã Thọ Xương, phủ Lạng Giang), đi đến nửa đường bị quân Lê Sát đuổi đến đánh phá một trận; Thôi Tụ cố đánh lấy đường chạy về Xương Giang, không ngờ thành ấy đã bị bọn Trần Nguyên Hãn lấy mất rồi, quân Minh sợ hãi quá bèn lập trại đắp lũy ở giữa đồng để chống giữ. Bình Định Vương sai quân thủy bộ vây đánh, sai Trần Nguyên Hãn chặn đường tải lương của quân Minh, lại sai Phạm Văn, Lê Khôi, Nguyễn Xí, đem quân thiết đội vào đánh chém quân Minh được hơn 5 vạn, bắt sống được Hoàng Phúc, Thôi Tụ và 3 vạn quân. Thôi Tụ không chịu hàng bị giết. Bấy giờ Mộc Thạnh với bọn Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả đang giữ nhau ở cửa Lê Hao. Trước vương cũng đã liệu rằng Mộc Thạnh là người lão luyện tất chờ xem quân Liễu Thăng thắng bại thế nào rồi mới tiến, bèn sai đưa thư dặn bọn Văn Xảo cứ giữ vững chớ đừng ra đánh. Đến khi quân Liễu Thăng thua rồi, vương cho những tên tì tướng đã bắt được, đem những giấy má ấn tín lên cho Mộc Thạnh biết. Mộc Thạnh được tin ấy sợ quá, đem quân chạy, bị quân Trịnh Khả đuổi theo chém được hơn 1 vạn người và bắt được cả người lẫn ngựa mỗi thứ hơn 1 nghìn.

Chương 8: Trận Bạch Đằng Năm 1288

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 khắc đậm trong ký ức dân tộc ta như 1 chiến công huyền thoại của lịch sử dân tộc. Người Việt Nam qua nhiều triều đại đều tự hào về chiến thắng vẻ vang của tổ tiên và ghi nhận là chiến công đỉnh cao nhất trong 3 lần đọ sức của quân dân Đại Việt đối với quân xâm lược Nguyên – Mông thế kỷ 13.

Trận Bạch Đằng năm 1288 hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ tiêu diệt đạo quân rút lui đường thủy do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy, là trận quyết chiến lớn nhất trong kháng chiến chống quân Nguyên lần 3. Một đạo quân lớn trên 6 vạn người, giàu kinh nghiệm viễn chinh xâm lược, những tên tướng quý tộc, cao cấp thân cận của vua Nguyên Hốt Tất Liệt, sùng sỏ và độc ác như Ô Mã Nhi, Phàn tiếp, Tích Lệ Cơ, Lưu Khuê... sau mấy lần giày xéo đất nước ta, đã phải đền tội. Trong cuộc kháng chiến lần này, Trần Quốc Tuấn và triều đình rất chú trọng đến chiến trường ven biển đông bắc. Đó là đường tiến của thủy quân và đoàn thuyền lương của giặc. Phó tướng Trần Khánh Dư được tin tưởng giao cho mọi công việc biên thủy ven biển, có nhiệm vụ chặn thủy, tiêu diệt đoàn thuyền lương, làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của chúng. Chính vì thế, khi được tin Trương Văn Hổ cùng đoàn thuyền lương bị tiêu diệt thì quân giặc rất hoang mang, gặp nhiều khó khăn, lúng túng và buộc phải bàn kế rút lui.

Và như vậy đã trúng vào kế sách của trần Quốc Tuấn. Tuy nhiên trên thực tế, từ 2 cuộc kháng chiến trước chứng minh: bị thua thảm bại, tướng chết quân tàn, phải chạy về nước, nhưng quân Mông – Nguyên vẫn còn quay trở lại nước ta, âm mưu xâm lược của chúng vẫn ngoan cố, dai dẳng. Vì giặc Mông – Nguyên là 1 đề chế lớn, tiềm lực quân sự và kinh tế rất mạnh, ý đồ mở rộng phạm vi thống trị rất xảo quyệt.

Chưa nếm đòn thật đau thật hiểm thì chúng chưa chịu từ bỏ tham vọng quay trở lại xâm lược nước ta. Bởi vậy Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu kháng chiến đã nhằm đúng thời cơ, lúc địch mệt mỏi, buộc địch phải tháo chạy, để tập trung sức lực đánh đòn quyết định tiêu diệt toàn bộ đạo quân thủy của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp. Rõ ràng, chiến thắng Bạch Đằng cũng như tác động của nó là 1 thành công tiêu biểu của tư tưởng tiến công, tư tưởng chủ động chiến lược của Trần Quốc Tuấn. Quân Nguyên tuy phải rút lui, nhưng lực

lượng của chúng còn đông tới hàng chục vạn người và rút lui cả 2 đường thủy và bộ. Trong so sánh lực lượng lúc bấy giờ, ta chưa đủ sức để đồng thời tiêu diệt cả 2 cánh quân.

Trần Quốc Tuấn đã tổng kết và nêu thành 1 phương châm chỉ đạo chiến lược: “Đại khái, giặc cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh, dùng đoản chế trường là sự thường của binh pháp”. Vấn đề đặt ra là phải chọn đối tượng quyết chiến chính xác để có thể đạt hiệu quả tiêu diệt chiến lược cao nhất, buộc nhà Nguyên phải từ bỏ ý đồ tiếp tục xâm lược nước ta. Trên cơ sở phán đoán đúng mưu đồ của Thoát Hoan và đánh giá đúng tương quan lực lượng, Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu đã có chủ trương trước hết tập trung lực lượng tiêu diệt cánh quân rút lui đường thủy, rồi sau đó thừa thắng tiêu diệt 1 bộ phận cánh quân bộ. Đó cũng là sự lựa chọn đúng đắn và là quyết tâm chiến lược sáng suốt, chính xác của 1 nhà chiến lược lớn có tầm nhìn bao quát rộng, có trí tuệ phân tích và phán đoán sắc sảo minh mẫn.

Chọn cánh quân rút lui theo đường thủy làm đối tượng tiêu diệt chủ yếu và trước hết là quyết định chính xác, vì cánh quân này rút trước và chiến đấu trên sông vốn là thế mạnh truyền thống của ta, là chỗ yếu của giặc. Cánh quân thủy khi đã bị tiêu diệt gọn thì cánh quân bộ sẽ phải rút lui trong cảnh hoảng loạn và sẽ là đối tượng chặn đánh, truy kích dễ dàng của quân ta để giáng thêm những đòn tổn thất nặng nề cho giặc. Như vậy, Trần Quốc Tuấn đã biết nhằm đúng chỗ yếu nhất của địch để tập trung sức tiến công, đã biết phát huy cái sở trường của ta để đánh vào cái sở đoản của địch. Với những chủ trương và quyết tâm chiến lược như trên, khúc sông Bạch Đằng, ở vùng thượng lưu đã được Trần Quốc Tuấn chọn làm điểm quyết chiến chiến lược.

Việc xác định không gian và thời gian quyết chiến đều nhằm triệt để lợi dụng địa hình thiên nhiên, phát huy cao độ ưu thế thủy chiến trong điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa thuộc về ta. Trần Quốc Tuấn đã nghiên cứu rất tường tận địa hình, sông nước, chế độ thủy triều của sông Bạch Đằng và sử dụng thành công trong việc xây dựng trận địa quyết chiến và bài binh bố trận. Quãng sông Bạch Đằng, nơi được chọn làm điểm quyết chiến, là 1 khu vực hiểm yếu, có đủ những điều kiện cần thiết đáp ứng được yêu cầu bố trí 1 trận địa mai phục trên sông với quy mô lớn. Địa hình sông Bạch Đằng vốn có thể thiên hiểm với sông sâu và rộng, rừng núi sát ven bờ, nhiều lạnh thoát triều và bãi triều, nhiều nhánh sông đổ vào, nước triều lên xuống rất mạnh.

Để tăng thêm lợi thế của trận địa mai phục, Trần Quốc Tuấn đã kế thừa truyền thống của Ngô Quyền và Lê Hoàn trong kháng chiến chống quân Nam Hán (938) và quân Tống (981), đã cho đóng cọc gỗ nhằm cản phá đội

hình, chặn đường tháo chạy của thuyền chiến địch, bao vây và tiêu diệt triệt để quân xâm lược. Trận địa quyết chiến với bãi cọc ngầm chỉ phát huy được tác dụng khi nước triều xuống, nên nó đòi hỏi người chỉ huy điều hành trận chiến phải biết lợi dụng chế độ thủy triều với cả 1 nghệ thuật dẫn dắt thuyền giặc vào trận địa đúng lúc, đúng chỗ. Ở đây, yếu tố không gian và thời gian kết hợp chặt chẽ với nhau.

Trận đánh phải bắt đầu và kết thúc 1 cách chính xác vào thời điểm có lợi nhất để tận dụng chế độ thủy triều và phát huy được hết tác dụng của bãi cọc. Tài năng tuyệt vời của Trần Quốc Tuấn và Bộ tham mưu là đã hoàn toàn cô lập được đạo quân thủy của Ô Mã Nhi với đạo quân bộ, rồi dần dần điều động nó từng bước vào đúng điểm quyết chiến đã định và đúng thời gian đã xác định (từ sáng đến trưa ngày 9-4 lúc nước triều rút mạnh). Nhờ vậy mà hiệu suất chiến đấu càng cao.

Trận Bạch Đằng 1288 là trận đánh mai phục kết hợp với vận động tiến công quy mô lớn nhằm bao vây, tiêu diệt gọn đoàn binh thuyền đông đến hàng trăm chiếc với hàng vạn quân địch. Trong trận chiến đấu này, dĩ nhiên thủy binh giữ vai trò chủ yếu. Đặc biệt trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng có sự phối hợp chặt chẽ giữa quân thủy và quân bộ, giữa quân chủ lực với quân địa phương và dân binh, giữa đánh thủy và đánh bộ. Trần Quốc Tuấn đã vận dụng cách đánh tiến công kiên quyết, kết hợp nhiều lối đánh phong phú, đa dạng nhằm phát huy tổng hợp tất cả thế mạnh của chiến tranh nhân dân, của truyền thống thủy chiến, của điều kiện thiên nhiên để giành thắng lợi trọn vẹn và triệt để nhất. Các lực lượng tham chiến đã hiệp đồng chặt chẽ với nhau cả về không gian và thời gian, đã sử dụng những lối đánh truyền thống 1 cách sáng tạo, đó là chiến thuật tiến công địch trên sông và trên bộ, nghi binh kiềm chế, giữ vững điểm cao, từng bước dẫn dắt quân địch, kết hợp đánh chặn phía trước, phía sau với các mũi bên sườn, đánh dồn địch vào cửa sông nhỏ bên tả ngạn, đúng chỗ bố trí các trận địa cọc, hiểm hóc, dùng đòn hỏa công thiêu cháy đoàn thuyền giặc khi chúng vướng cọc... Tất cả các hình thức chiến thuật, các lối đánh đó đều phát huy được tác dụng lợi hại của nó.

Chiến thắng Bạch Đằng 1288 đã thể hiện tập trung nghệ thuật quân sự của quân dân Đại Việt thế kỷ 13 và tài thao lược của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng kiệt xuất, nhà chiến lược lỗi lạc của dân tộc. Hòa trong vũ công hiển hách 3 lần đánh bại quân Nguyên – Mông của dân tộc ta, trận Bạch Đằng nổi lên như 1 kiểu mẫu của nghệ thuật “dùng đoản binh đánh trường trận” và là đỉnh cao của sức mạnh và nghệ thuật quân sự Việt nam thời đó.

Chương 9: Trận Thành Đa Bang (1-1407)

Xin được trình bày trận này kỹ hơn một chút, vì có thể một số bác ít để ý đến trận này, và trong lịch sử, trận này cũng không được nhắc đến nhiều. --Hơn 1 thế kỷ sau chiến thắng Bạch Đằng lịch sử 1288, lợi dụng lúc nhà Hồ mới lên nắm quyền chính thay thế nhà Trần, Triều đình nhà Minh đã xuất quân đánh chiếm nước ta. Vương Triều nhà Hồ do Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương đứng đầu cương quyết kháng chiến. Trong cuộc chiến tranh chống giặc Minh, quân Hồ đã đánh nhiều trận có quy mô lớn và rất quyết liệt, tiêu biểu nhất là trận thành Đa Bang (1-1407) Tháng 5-1406, triều Minh cử 1 đạo quân lớn do tổng binh Quảng tây là Hàn Quan cùng các tướng Hoàng Trung, Lữ Nghi đưa tên phản bội Trần Thiêm Bình về nước làm vua. Được tin báo, Hồ Quý Ly sai quân lên biên giới phía bắc chặn đánh. Đạo quân Minh hộ tống bị đánh thiệt hại nặng nề, buộc phải giao nộp Thiêm Bình và rút chạy về nước. M mưu xâm chiếm nô dịch nước ta dưới chiêu bài “phù Trần diệt Hồ” của nhà Minh bị phá sản. Để gỡ thế diện và cướp lấy nước ta, biến Đại Việt thành quận huyện của Trung Quốc, tháng 11 năm ấy, Minh Thành Tổ quyết định cử đại quân đánh chiếm nước ta. Lần xuất quân này, nhà Minh huy động 80 vạn quân các loại gồm bộ binh, kỵ binh và quân phục dịch chia làm 2 đạo đánh vào nước ta.

Một đạo do Trương Phụ, Trần Húc chỉ huy, dẫn 40 vạn quân đi theo đường qua Bằng Tường vào ải Pha Lũy (ải nam Quan, Lạng Sơn) Một đạo quân do Mộc Thạnh dẫn 40 vạn quân từ Mông Tự (Vân Nam) tiến theo đường sông Hồng. Theo kế hoạch tiến công đã vạch sẵn, 2 đạo quân này sau khi vượt qua biên giới, tiến sâu vào nội địa, sẽ nhanh chóng hội quân ở vùng Bạch Hạc, rồi vượt sông Phú Lương (sông Hồng) đánh thành Đa Bang, và từ đó tiến lên đánh Đông Đô, Tây Đô rồi chiếm cả nước ta. Trước nguy cơ ngoại xâm, nhà Hồ ra sức chuẩn bị kháng chiến. Tháng 7-1406, Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương đã đi tuần du các nơi hiểm yếu của đất nước, xem xét hình sông, thế núi, phán đoán đường tiến quân của giặc để chuẩn bị phòng ngự.

Hồ Quý Ly: - Một mặt cho lấy thêm hương binh và dùng những người có chức tước tạm thời trông coi, chiêu mộ dân lưu vong làm quân dũng hãn và đặt các chức quan để cai quản; - Một mặt cho xây dựng hệ thống công trình phòng thủ có quy mô lớn, dài gần 400km, kéo dài từ núi Tản Viên, men theo sông Đà, sông Hồng, sông Luộc và sông Thái Bình. Đó là hệ thống chương

ngại vật, gồm những bãi cọc, những xích sắt cùng với các đồn quân tại khắp các cửa sông, cửa nguồn, quan ải... nhằm ngăn chặn các trục đường thủy, bộ mà Hồ Quý Ly dự kiến quân Minh sẽ đánh vào Trong các tuyến ngăn chặn đó, quan trọng nhất là tuyến phòng thủ dọc bờ Nam sông Hồng và khu vực thành Đa Bang (xã Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội), nơi tập trung phần lớn binh lực triều Hồ. Ngoài ra quân Hồ còn được bố trí trấn giữ ở 1 số nơi nằm trên trục đường tiến quân của giặc như ải Chi Lăng, Cần trạ, Việt Trì... đồng thời nhà Hồ ra lệnh cho dân chúng ở các vùng Bắc Giang, Bắc Ninh, Bạch hạc... làm sẵn nhà cửa ở phía Nam sông Hồng làm nơi cư trú khi phải rút lui

--

Ngày 19-11-1406, trên hướng tiến công từ phía bắc, giặc Minh bắt đầu đánh phá vào cửa ải Pha Lũy. Quân Hồ dựa vào thế núi để đóng trại, đào hào sâu và dùng các loại hỏa khí bắn chặn địch. Nhưng với binh lực đông gấp bội, quân Minh ào ạt tràn qua cửa quan, rồi nhanh chóng đánh tan quân Hồ ở ải Chi Lăng, ở Cần trạ, rồi tiến xuống đánh chiếm Xương Giang, Thị Cầu. Đến đây Trương Phụ cho 1 cánh quân tiến thẳng tới Gia Lâm làm nhiệm vụ nghi binh đánh Đông Đô, còn đại quân do y chỉ huy tiến sang Đa Phú (Sóc Sơn, Hà Nội) để chuẩn bị hội quân theo kế hoạch đã định. Trên hướng tây bắc, đạo quân Vân nam do Mộc Thạnh chỉ huy vượt rừng núi đột nhập biên giới nước ta. Sau khi chiếm được cửa ải Phú Lệnh, Mộc Thạnh dẫn quân theo sông Lô thẳng xuống Bạch hạc và hạ trại ở gần bắc bờ sông. Đến tháng 12, cả 2 đạo quân Trương Phụ và Mộc Thạnh hội quân ở vùng Tam Đái, Bạch hạc để phối hợp tác chiến trên hướng tiến công chủ yếu. Để đánh lạc hướng quân Hồ, Trương Phụ lại cho tăng thêm 1 số quân nữa sang phía bắc Gia Lâm phô trương thanh thế, rồi lại điều 1 cánh quân tiến tới hạ lưu sông Cú (khúc sông Thương, Lạng Giang, Bắc Giang) để phòng quân Hồ đánh úp phía sau.

Đồng thời chúng sai người “treo bảng kết tội” nhà Hồ, hoặc viết hịch “phù Trần diệt Hồ” vào những mảnh ván thả xuôi theo dòng sông để đánh vào tinh thần quân lính và khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ triều Hồ. Nhiều quân sỹ, vốn không ưa chính sách khắc nghiệt của triều Hồ nay càng tỏ ra chán nản, không còn tinh thần chiến đấu. Nhân đó một số sỹ phu quý tộc cũ của nhà Trần đã chạy sang đầu hàng quân Minh. Điều đó càng khiến quân sỹ nhà Hồ thêm hoang mang dao động.

Trước cuộc tiến công ồ ạt của giặc trên cả 2 hướng, quân Hồ phần vì lực lượng bị phân tán, phần vì tinh thần chiến đấu thấp, nên nhanh chóng bị quân Minh đánh lui và để mất các vị trí phòng thủ ở phía bắc. Các tướng Hồ Nguyên Trừng và Hồ Đổ dẫn quân rút lui, rồi dựa vào hệ thống phòng tuyến

đọc sông Hồng và sông Chũ để cự địch. Trong khi đó, dân chúng các lộ ở phía bắc và tây bắc nơi nào có giặc tràn đến đều thực hiện kế “thanh dã”. Nhờ có phòng tuyến quy mô lớn và kiên cố, quân nhà Hồ đã chặn đứng bước tiến của giặc Minh gần 2 tháng. Tuy nhiên trong thời gian ấy, quân Hồ hầu như co vào cố thủ trên tất cả các mặt trận mà không biết đánh mạnh vào sau lưng hoặc cạnh sườn đội hình tiến công của địch. Hơn nữa, các tướng Hồ không nắm được đâu là hướng tiến công chủ yếu của giặc nên dàn đều lực lượng đối phó trên cả 2 hướng Đông Đô và Đa Bang Hồ Quý Ly thua trận có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Chủ quan là để mất lòng dân, cái này nói nhiều rồi nhưng khách quan thì có vài điểm sau:

-Về phía ta: đất nước kiệt quệ vì chiến tranh liên miên, nguyên khí quốc gia suy kiệt. Kể từ sau cái chết của Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm thành thì thế nước suy hẳn. Quân Chiêm ra cướp phá Thăng long như chồn không người lúc cuối Trần. Cộng thêm các vụ chém giết đàn áp quý tộc Trần của Hồ Quý Ly làm thế nước đã suy lại càng suy. -Về phía Trung quốc: Chu Nguyên Chương để lại một quốc gia TQ thống nhất với binh lực hùng hậu dày dặn chinh chiến. Tiếp đó Chu Đệ hoàn thành cuộc soán ngôi của cháu đang hùng hực khí thế và có trong tay một đội quân đông đảo với nhiều tướng lĩnh có tài. Lại nói về chủ quan: nước ta nhỏ, người ít không thể áp dụng cách đánh dàn quân hay dựa vào thành lũy như TQ. Hồ quý Ly đã quên mất điều này.

Ông ta xây dựng một quân đội đông đảo nói phao lên là đến 100 vạn quân, hao phí sức dân vào việc xây thành đắp lũy. Trong khi sở trường của quân ta là cơ động đột kích, quấy nhiễu tiêu hao, đặt phục binh... Ông ta dồn phần lớn quân đội vào trong các thành trì làm mất đi sức mạnh cơ động, tạo tâm lý ỷ lại vào thành lũy, khi thất hủ thì mất luôn số lượng lớn vốn liếng chiến đấu. Lịch sử cho thấy chúng ta không mạnh về việc xây dựng và phòng thủ thành lũy.

Thực ra quân nhà Hồ đã chiến đấu hết sức dũng cảm để ngăn giặc. Sử chép xác giặc cao ngang mặt thành nhưng chúng vẫn đốc quân ào ạt xông lên. Giá như trong chiến dịch đánh 10 vạn quân Minh đưa Trần Thiêm Bình về nước trước đó, nhà Hồ kiên quyết hơn nữa tiêu diệt sạch sẽ đám này chứ không thả cho chúng về thì chúng ta cũng giảm được nhiều sức mạnh của giặc Minh. Dù Hồ Quý Ly bị phê phán nhiều nhưng không thể phủ nhận ông là người kiên quyết giữ vững nền độc lập dân tộc, kiên quyết kháng chiến chống quân xâm lược Minh. Giá như 2 cha con ông nêu cao khí tiết tự sát để khởi sa vào tay giặc thì hậu thế sẽ đánh giá ông cao hơn. Còn Hồ Nguyên Trừng có tài nhưng lại cam tâm làm quan cho nhà Minh, lên đến chức Công bộ thị lang thì phải. Không biết ông nghĩ gì khi chứng kiến một lần nữa

chúng ta lại giành lại độc lập, Đại Việt lại quật khởi phá Minh bình Chiêm.

Chiến dịch tấn công Ung-Khâm-Liêm của Lý Thường Kiệt huy động lực lượng đến 10 vạn quân. Đạo quân bộ chủ yếu là thân binh của các tù trưởng Thân Cảnh Phúc, Tôn Đản... ngày 27-10-1075 vượt biên giới tấn công Ung Châu. Đạo quân thủy gồm 6 vạn quân chính quy của nhà Lý, là đạo chủ lực do Lý Thường Kiệt chỉ huy, ngày 30-12-1075 vượt biển, sau đó đổ bộ đánh chiếm Khâm Châu, Liêm Châu rồi tiến lên vây Ung Châu vào tháng 1-1076. ĐVSKTT của ta viết không nhiều về trận này, chỉ nói đại khái là ta vây thành hơn 40 ngày thì hạ được. Tổng sử của Tàu thì nói cụ thể hơn (tất nhiên có thể nhiều chi tiết đã bị bẻ sai đi vì lí do chính trị).

Ung Châu lúc đó là một thành có hệ thống phòng thủ rất kiên cố, quân không nhiều (vài nghìn) nhưng được một tay kiệt hiệt chỉ huy là Giám, đã đốc suất quân và dân Tống ở Ung Châu kháng cự. Theo Tống sử thì quân Đại Việt dùng nhiều thủ đoạn công thành, như bắc chòi, đào địa đạo... nhưng đều bị Giám đối phó. Bên ta mất 1 vạn rưỡi quân và nhiều voi chiến bị chết. Tể tướng Tống là Vương An Thạch tin vào sự kiên cố của Ung Châu, đã đề xuất chỉ cử một đạo quân đến tăng viện cho Ung Châu nhằm cầm chân quân chủ lực nhà Lý, cho đại quân tấn công thẳng vào Đại Việt.

Tuy nhiên vua Tống lần chần không dám quyết thì đã có những diễn biến mới. Viện binh Tống đến ải Côn Lôn thì Lý Thường Kiệt đã chủ động tiến công trước. Quân Tống bị bất ngờ, hoàn toàn tan rã. Tướng chỉ huy bên Tống bị chém đầu tại trận. Ở Ung Châu, ta tiếp tục vây thành. Quân Đại Việt dùng tên độc và tên tẩm dầu bắn vào thành, làm bên Tống thương vong nhiều. Nhà cửa trong thành bị cháy thiếu nước không dập được. Bên Tống phải uống nước đục, chết vì bệnh dịch rất nhiều. Quân Đại Việt lại lấy bao đất, dần dần chất thành đống. Ngày 1-3-1076, quân Đại Việt trèo lên bao đất tràn vào thành. Giám biết không chống được, quay về giết hết 36 người nhà rồi tự thiêu. Dân Ung Châu thấy vậy không ai đầu hàng mà vẫn kháng cự. Quân Đại Việt lùng bắt Giám không được, đã giết hết 58.000 người Tống ở thành Ung Châu (ĐVSKTT cũng chép điều này).

Theo Tống sử thì quân Đại Việt chất đầu người thành đống, mỗi đống 100 đầu, có đến 580 đống. Sau khi hạ Ung Châu, Lý Thường Kiệt cho rút quân và thực hiện kế “thanh dã“. Thiệt hại bên Tống rất lớn, cả dân lẫn lính chết hơn 10 vạn người. Tất cả các căn cứ, kho tàng, làng mạc, đường sá, cầu cống... đều bị Lý Thường Kiệt cho phá hủy, sông cũng bị đổ đá lấp. Kinh tế đình đốn, dân Ung-Khâm-Liêm phải phiêu bạt khắp nơi. Điều thú vị là đây không phải lần duy nhất Đại Việt tấn công Tống, mặc dù là lần lớn nhất và

oanh liệt nhất. ĐVSKTT còn chép lại sau cuộc xâm lược của Tống, tháng 12-1077 nhà Lý đã cho tấn công qua biên giới Việt-Tống, sau đó Tống cũng tấn công lại (những cuộc giao tranh này tương tự giai đoạn xung đột 1984-1989, thời điểm đó nhiều khu vực của ta bị Tống chiếm, và sau đó phải trải qua đấu tranh ngoại giao để đòi lại).

Một lần khác do vua Trần Thái Tông đích thân chỉ huy, tấn công sâu vào Khâm Châu, Liêm Châu gây hoang mang lớn trong quân dân Tống, rồi rút về an toàn. TRẦN THÀNH ĐA BANG (Tiếp theo) Lợi dụng tình thế ấy, bọn Trương Phụ, Mộc Thạch quyết định tập trung binh lực mở cuộc tiến công chiếm thành Đa Bang. Thành này được đắp bằng đất rất cao và kiên cố. Phía trong tường thành có hào sâu với những cọc tre vót nhọn chôn ngầm. Phía ngoài tường thành có những hồ rộng cắm chông tra ở dưới để bẫy người và ngựa của giặc. Quân Hồ đóng trong thành rất đông và tổ chức canh phòng nghiêm ngặt.

Tuy nhiên bên ngoài thành Đa Bang lại có những bãi cát rộng chạy từ tây bắc sang đông nam, rất thuận lợi cho quân địch đổ quân tập kết lực lượng lớn đánh thành. Những bãi cát này lại nằm sát khúc sông cạn có thể bắc cầu phao qua được. Ngày 10-1-1407, Mộc Thạch dẫn quân đánh chiếm cửa sông Thao và cửa sông Tuyên Quang ở Bạch hạc. Lực lượng quân Hồ trấn giữ ở đây do tướng Hồ Xạ chỉ huy không chống đỡ nổi phải rút sang bờ nam. Ngày 15-1, quân Minh khiêng thuyền ra bãi sông Phú Lương, đối ngạn với thành Đa Bang ở bên bờ nam. Sau đó chúng làm gấp cầu phao chuẩn bị vượt sông. Đêm 17-1, Trương Phụ tập trung hầu hết quân đánh úp bãi Mộc Hoàn. Tướng Hồ chỉ huy đóng giữ nơi đây là Nguyễn Công Khôi mãi vui chơi nữ sắc, không phòng bị. Trước sức tấn công bất ngờ của địch, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt. Trong khi đó Hồ Nguyên Trừng ở xa không biết để ứng cứu. Chiếm được bãi Mộc Hoàn, quân Minh liền theo cầu phao vượt sông, rồi cho quân vây kín thành Đa Bang.

Quân Trương Phụ tập kết ở bãi cát phía tây bắc thành. Đêm 19-1-1407, quân Minh từ 2 phía tiến công ồ ạt. Khi quân Minh xông tới liền bị quân Hồ đánh trả quyết liệt. Chỉ trong 1 đêm kịch chiến, xác giặc đã chất cao ngang mặt thành. Nhưng với lực lượng đông gấp bội, quân Minh hết đợt này đến đợt khác lao vào. Chúng liều chết vượt hào, dùng “vân thê” (tảng mây) trèo lên mặt thành đông như kiến và từ 4 mặt thành đánh thốc lên. Quân Hồ chiến đấu ngoan cường nhưng đánh không lại phải rút vào thành cố thủ. Sáng ngày 20-1, quân Hồ lại đục tường thành cho voi ra đánh. Quân Minh dùng hỏa khí bắn cản, voi bị thương, phải chạy trở vào. Thừa cơ, quân Minh rượt theo, ủa vào cướp thành. Tàn quân Hồ phải bỏ thành rút chạy. Thế là chỉ trong 1 ngày

đêm công kích, quân Minh đã đánh chiếm được thành Đa Bang, 1 vị trí then chốt trong tuyến phòng thủ cơ bản của vương triều Hồ. Việc Đa Bang thất thủ đã mở đầu cho sự thất bại không thể cứu vãn của cuộc kháng chiến chống Minh do nhà Hồ lãnh đạo.

Đến tháng 6 năm ấy, tại cửa Kỳ La, núi Cao Vọng, cha con Hồ Quý Ly cùng nhiều triều thần bị địch bắt đưa về phương Bắc. Cơ nghiệp nhà Hồ sụp đổ nhanh chóng. Sự thất bại của trận thành Đa Bang có nhiều nguyên nhân, nhưng về căn nguyên nó cũng không nằm ngoài nguyên nhân thất bại chung của cả cuộc kháng chiến chống Minh do vương triều Hồ lãnh đạo. Đó là sai lầm do tổ chức và chỉ đạo chiến tranh về cả chiến lược và chiến thuật, mà nhân tố có ý nghĩa quyết định là không đoàn kết được toàn dân đánh giặc giữ nước, không tổ chức và phát động được cuộc chiến tranh nhân dân yêu nước chống ngoại xâm, như Nguyễn Trãi đã nhận xét “Nhân nhà Hồ chính sự phiền hà, Khiến trong nước lòng dân oán giận”.

Đứng trên phương diện nghệ thuật quân sự, triều Hồ cũng phạm phải nhiều sai lầm nghiêm trọng. Trước chiến lược tiến công của quân Minh, Hồ Quý Ly trước sau vẫn kiên trì chủ trương thực hành chiến lược phòng ngự, lấy chủ lực đối trận với địch và dùng trận địa chiến làm phương thức tác chiến cơ bản.

Nhà Hồ đã dày công làm những công trình phòng ngự, xây đắp thành lũy kiên cố, mà Đa Bang là 1 vị trí then chốt và tập trung lực lượng quân thường trực rất lớn để cố thủ cự địch. Phương thức tác chiến đó không phù hợp với nghệ thuật đánh giặc giữ nước trong điều kiện dân tộc ta phải lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều. Phòng ngự chiến lược cũng như tác chiến phòng ngự trong 1 cuộc chiến tranh tự vệ là tất nhiên, cần thiết, thế nhưng phòng ngự không có nghĩa là rút lui chạy dài hoặc cố thủ để mặc cho quân thù tự do hành động, mà phải tìm mọi cách đánh lại chúng.

Bởi vì kẻ địch tiến công có sức mạnh hơn quân phòng ngự, chúng rất dễ đột phá trận địa, bao vây cô lập thành trì và tiêu diệt quân phòng ngự ở những nơi đó. Trong tình thế ấy, lẽ ra phải biết liệu sức ta, sức địch, phải khôn khéo linh hoạt, như Trần Quốc Tuấn nói: “Phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân 1 lòng như cha con thì mới dùng được”. Lúc đó nhà Hồ chỉ đơn thuần dựa vào lực lượng vũ trang tập trung, dốc chủ lực ra chặn địch chứ chưa kết hợp được sức mạnh chiến đấu của toàn dân, không tạo nên được thế trận cả nước đánh giặc. Vì vậy mà trong suốt cuộc chiến tranh, quân nhà Hồ phải luôn chiến đấu trong thế trận phòng ngự hết sức bị động cả về chiến lược và chiến thuật.

Điều đó càng làm cho quân Minh có điều kiện tập trung lực lượng đột phá từng mục tiêu, từng phòng tuyến của quân ô, và ở Đa Bang, chúng hoàn toàn rảnh tay, tạo được ưu thế tuyệt đối để công thành. Khi chiến tranh mới bắt đầu, các lực lượng quân Hồ chống giặc ở Pha Lũy, Chi Lăng và Phú Lệnh mới bị thiệt hại không đáng kể đều đã bỏ thành, bỏ đất chạy về phòng tuyến phòng ngự cơ bản mà chưa gây cho địch mấy tổn thất và cũng không làm chậm được bước tiến của chúng. Thậm chí, ngay cả khi 2 đạo quân Trương Phụ, Mộ Thạch vận động đến đánh thành Đa Bang, các đạo quân Hồ đóng ở Bình Than, Bạch Hạc vẫn án binh bất động, vẫn cố thủ trong các vị trí phòng thủ. Quân Minh càng có điều kiện tập trung binh lực giáng đòn tiêu diệt quân Hồ ở Đa Bang. Vì thế thành Đa Bang thất thủ là không tránh khỏi và đó là kết quả tất yếu của chiến lược phòng ngự thuần túy, phòng ngự tiêu cực, bị động của quân Hồ trước chiến lược tiến công của quân Minh. Tuy nhiên Đa Bang lại thất thủ quá nhanh, mặc dù quân Hồ có lực lượng phòng thành đông, mạnh, và có vũ khí lợi hại chẳng kém gì quân Minh.

Đó chính là do thế trận của quân Hồ ở Đa Bang không vững chắc, không có lợi cho quân phòng ngự. Thành Đa Bang tuy được xây dựng kiên cố, nhưng lại ở vị trí có địa hình, địa thế thuận lợi cho bên tiến công, vì trước thành có những bãi cát rộng có thể tập kết lực lượng lớn công thành. Chính kẻ địch cũng phát hiện ra điểm yếu ấy và chúng triệt để lợi dụng, khai thác điểm yếu ấy để hạ thành.

Mặt khác thế trận Đa Bang còn bộc lộ sơ hở khi không có lực lượng dự bị bảo vệ thành gồm nhiều tầng, nhiều lớp có thể hỗ trợ cho nhau. Quân Minh đánh bãi Mộc hoàn, quân Hồ ở thành Đa Bang cũng như ở bên trên và bên dưới đều không đưa quân đến ứng cứu. Đến lượt thành Đa Bang bị vây hãm, nhà Hồ lại không có những lực lượng cơ động để sẵn sàng chi viện khi thành lâm nguy. Bởi thế, Đa Bang trở thành cứ điểm cho vợ, cô lập và quân trong thành dù có cố sức chống cự, hoặc dù có tổ chức phản kích, cũng không thể đủ sức chống trả cuộc tiến công của quân địch. Bên cạnh đó, từ bộ thống soái quân Hồ đến lực lượng phòng thành Đa Bang đều mắc sai lầm chủ quan, không đánh giá đúng tình hình địch ta, thậm chí còn quá y vào thành lũy và binh khí của mình.

Binh thư có câu: “Biết địch, biết ta trăm trận không nguy”, nhưng Hồ Quý Ly lại không nắm rõ địch, không phán đoán được ý đồ của địch nên mắc kế nghi binh của chúng. Khi Trương Phụ cho 1 cánh quân tiến xuống mạn Gia Lâm phô trương thanh thế thì Hồ Quý Ly đã vội điều bớt quân từ Đa Bang về tăng cường cho Đông Đô. Do đó Trương Phụ càng có điều kiện tập trung đại quân, tạo được ưu thế to lớn để công thành Đa Bang. Hồ Quý Ly cũng

không biết rằng người Trung Quốc rất giỏi công thành. Lẽ ra trong tình thế ấy, phải biết rút lui, phân tán lực lượng, lúc ẩn lúc hiện để tránh sức mạnh ban đầu của giặc, thì quân Hồ lại co cụm, cố thủ trong thành và như vậy chẳng khác gì giơ ngực ra đỡ đòn đánh của địch. Mặt khác, lực lượng phòng thành lại quá ỷ lại vào uy lực của hỏa khí bảo vệ thành, nhưng khi quân Minh xông tới chân thành thì các khẩu “thần cơ sang pháo” không còn phát huy được hiệu lực nữa. Hoặc ý đồ dùng đội tượng binh để cản bước phá cuộc tiến công của địch, nhưng không ngờ, khi voi bị hỏa khí của quân Minh bắn chặn phải chạy trở vào, lại tạo thêm cơ hội cho quân Minh ùa vào, chiếm thành 1 cách nhanh chóng. Sự thất bại của thành Đa bang và của nhiều trận đánh kế tiếp của quân đội nhà Hồ không chỉ chôn vùi sự nghiệp của vương triều Hồ, mà còn đánh dấu sự thất bại của phép dùng binh chỉ đơn thuần dựa vào quân đội, vũ khí, thành quách trong điều kiện phải lấy nhỏ đánh lớn của cuộc chiến tranh giữ nước lúc bấy giờ. Chỉ đến khi Lê Lợi, Nguyễn Trãi ... như thế, như thế... thì mới đánh bại được quân xâm lược Minh, giành lại độc lập dân tộc.

Chương 10: Trận Tốt Động – Chúc Động (7-11-1426)

Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động năm 1426 là 1 trong những điển hình rực rỡ về quyết tâm tiêu diệt địch, về tinh thần chiến đấu dũng cảm và nghệ thuật quân sự tuyệt vời của nghĩa quân Lam Sơn. ... Các tướng chỉ huy của nghĩa quân Lam Sơn đoán định rằng Vương Thông sau khi dò biết vị trí đóng quân mới của quân ta sẽ mở cuộc hành quân nhằm bao vây, tiêu diệt quân ta ở Cao Bộ. Từ Ninh Kiều đánh lên Cao Bộ quân Minh phải hành quân theo 1 trong 2 con đường: - Đường thứ nhất: Ninh Kiều – Chúc Động – Tốt Động – Yên Duyệt – Cao Bộ. - Đường thứ 2: Ninh Kiều – Chúc Động – Đại Ôn – Cao Bộ. Bỏ Ninh Kiều rút về Cao Bộ, nghĩa quân không những buộc Vương Thông phải bị động thay đổi kế hoạch tiến công mà còn dụ địch hành quân theo đường quân ta đã chọn và bố trí sẵn trận địa mai phục. Đây là kết quả lớn bước đầu trong nghệ thuật điều động địch của nghĩa quân Lam Sơn. Theo kế hoạch của Vương Thông, từ Ninh Kiều chúng sẽ chia làm 2 đạo: - Đạo Kỳ binh, có số quân ít, xuất kỳ bất ý đến phía sau doanh trại của ta ở Cao Bộ. Đạo quân này có nhiệm vụ đặt pháo ở phía sau quân ta rồi bất ngờ nổ pháo nhằm đánh lạc hướng quân ta và làm hiệu lệnh cho các cánh quân địch đồng thời đánh khếp lại. - Đạo chính binh, tức đạo quân chủ lực do Vương Thông trực tiếp chỉ huy từ phía đông Ninh Kiều vượt sông Ninh Giang tiến đến phía trước căn cứ Cao Bộ. Đạo quân này có nhiệm vụ khi nghe pháo hiệu của đạo kỳ binh sẽ tiến công mãnh liệt vào mặt trước Cao Bộ.

Dựa trên cơ sở nắm được kế hoạch hành quân cụ thể của Vương Thông, bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn quyết định bố trí 2 trận địa mai phục ở Tốt Động và Chúc Động trên đường tiến quân của địch nhằm đập tan hoàn toàn cuộc hành quân của chúng. Tốt Động được chọn làm trận địa mai phục chính của nghĩa quân, (xã Tuy An, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây). Cánh đồng Tốt Động khá sâu và lầy lội, cỏ lác rậm rạp. Con đường “lai khinh” chạy ngang qua phía tây cánh đồng Tốt Động, ở giữa 2 thôn Tốt Động và Yên Duyệt. Đạo quân chủ lực của Vương Thông muốn tiến lên Cao Bộ phải theo con đường “lai khinh” qua cánh đồng Tốt Động rồi qua Yên Duyệt lên Cao Bộ. Nghĩa quân đã tận dụng vị trí và địa hình vùng Tốt Động bố trí 1 trận địa mai phục kỹ lưỡng, nhằm đánh quy đạo quân chủ lực của Vương Thông. Trận địa mai phục thứ 2 được bố trí ở vùng Chúc Động (thuộc xã Ngọc Sơn, Chương Mỹ, Hà Tây).

Cánh đồng Chúc Động không lầy như Tốt Động, nhưng lại nằm ngay dưới chân núi Chúc Sơn sát bên núi Ngọc Giả và Ninh Sơn. Dòng sông Đáy chảy vòng sát chân núi Chúc Sơn và gần Chúc Động. Đây là 1 vùng địa hình phức tạp và hiểm yếu. Quân ta đã lợi dụng địa hình núi rừng ở vùng này để bố trí mai phục sẵn ở 2 bên đường. Cả 2 con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải men theo chân núi Ninh Sơn và Chúc Sơn đi qua vùng Chúc Động. Trận địa mai phục Chúc Động có nhiệm vụ phối hợp với trận địa chính Tốt Động nhằm đánh vào hậu quân của đạo chính binh Vương Thông, đồng thời chặn đường rút lui của cả 2 đạo quân địch rút chạy về Đông Quan. Cánh chính binh do Vương Thông chỉ huy có số lượng quân lớn, hành quân theo đội hình kéo dài. Khi tiền quân của chúng tới Tốt Động thì hậu quân mới vượt khỏi sông Ninh Giang tức lọt vào trận địa mai phục Chúc Động. Để tập trung binh lực ở mức cao nhất, nghĩa quân không rải quân ra đánh toàn bộ đội hình địch mà đánh vào tiền quân và hậu quân của chúng. Sự bố trí trận địa mai phục thể hiện rõ quyết tâm khóa chặt, tiêu diệt đạo quân Vương Thông.

Đối với đạo kỳ binh của địch, nghĩa quân không đón đánh khi chúng tiến quân, mà chỉ chặn đường rút lui tiêu diệt tại Chúc Động. Đêm 6-11, công việc bố trí mai phục ở Tốt Động, Chúc Động được tiến hành 1 cách khẩn trương và bí mật. Quân địch đóng ở bên kia Ninh Kiều tuy cách Chúc Động không xa nhưng không hay biết gì về trận địa của quân ta. Diễn biến: Theo kế hoạch đã vạch ra, sáng ngày 7-11, quân địch từ đông Ninh Kiều chia làm 2 đạo xuất phát tiến đánh nghĩa quân ở Cao Bộ. Khi đạo quân chủ lực do Vương Thông chỉ huy đến vùng Tốt Động thì quân ta bắn pháo hiệu đánh lừa địch. Quân địch nghe tiếng pháo tưởng là pháo hiệu của cánh kỳ binh vội đổ xô đi chiếm lấy những địa điểm thuận lợi theo hiệu lệnh trước lúc tiến quân. Việc nổ pháo hiệu của ta có tác dụng đánh lừa quân địch tiến sâu vào trận địa mai phục của quân ta. Trong khi đó, quân mai phục của ta vẫn “nằm yên không động”.

Khi tiền quân của địch đã lọt vào trận địa mai phục ở Tốt Động và hậu quân đã qua hết sông Ninh Giang, quân mai phục của ta mới nhất tề xông ra đánh mãnh liệt. Tại Tốt Động, 1 bộ phận lớn quân địch đã bị quân ta và voi chiến dòn vào cánh đồng lầy lội rồi bị chia cắt ra tiêu diệt hết lớp này đến lớp khác; đồng thời lúc ấy trời lại mưa to, cánh đồng Tốt Động và đường xá càng lầy lội. Hàng ngũ của địch rối loạn và hoảng hốt. Địch bị đánh bất ngờ (kỵ binh và bộ binh) lại bị sa lầy nên mất hết khả năng chiến đấu.

Từ những gò đất, lùm cây quân ta dùng giáo, lao, đặc biệt là cung nỏ giết

chết hàng loạt quân địch. Tổng binh Vương Thông hoàn toàn bất lực trước cảnh hỗn loạn và khiếp sợ của quân lính. Bản thân Vương Thông cũng bị 1 mũi tên bắn bị thương cạnh sườn. Viên thượng thư bộ binh Trần Hiệp định tự sát nhưng bị quân ta xông tới chém chết. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt khoảng 4-5 tiếng đồng hồ (từ 10 giờ đến 15 giờ ngày 7-11). Quân ta đã chặn đứng và đập nát bộ phận tiền quân của địch. Hàng vạn quân địch bỏ xác trên chiến trường Tốt Động.

Vương Thông và bọn sổng sót tìm đường tháo chạy về Ninh Kiều. Trong khi tiền quân đang bị giáng những đòn sấm sét bất ngờ ở Tốt Động thì trung quân và hậu quân của địch bị ùn lại trên quãng đường từ Tốt Động đến Chúc Động. Khi được tin tiền quân bị thua và thấy bọn tàn binh hoảng hốt tháo chạy, trung quân và hậu quân cũng nhốn nháo tìm đường rút lui. Hiều khối quân địch ở đạo chính binh chưa bị đánh đã tan vỡ cả hàng ngũ và mất hết tinh thần chiến đấu. Đạo kỳ binh lúc bấy giờ đang trên đường tiến về phía sau Cao Bộ bỗng nhiên nghe tiếng súng nổ ở Cao Bộ. Viên chỉ huy kinh ngạc vì tín hiệu đáng lẽ do cánh kỳ binh phát ra.

Ngay sau đó cánh kỳ binh được tin khủng khiếp, tổng binh Vương Thông bị rơi vào trận địa mai phục ở Tốt Động, không thể tiến về phía trước Cao Bộ được. Biết đã mắc mưu quân ta, Vương Thông vội vã ra lệnh cho cánh kỳ binh chạy về Chúc Động. Đúng lúc đó, tại trận địa Chúc Động quân mai phục của ta lại vùng lên đánh những đòn quyết liệt vào cán h kỳ binh và h u quân của cánh chính binh cùng với số thoát chết ở Tốt Động chạy về. Từ núi Ninh Sơn, Chúc Sơn và các cánh đồng 2 bên đường, quân ta xông ra chặn đánh ngang đường rút lui, chia cắt quân địch ra nhiều mảnh mà tiêu diệt. cầu Ninh Kiều lập tức bị quân ta phá hủy, và dòng sông biến thành chiến tuyến cản đường rút chạy của địch về Đông Quan.

Hàng vạn quân địch bị giết và bị bắt. Bọn sổng sót liêu lĩnh vượt qua Ninh Giang bị chết đuối nhiều đến nỗi “... nước Ninh Kiều vì thế mà tắc nghẽn” (Đại Việt SKTT). Bọn tàn quân địch phải khó khăn lắm mới thoát chết cùng Vương Thông, Mã Kỳ, Phương Chính chạy về Đông Quan. Chiến trận Tốt Động – Chúc Động, quân ta đã tiêu diệt trên 6 vạn quân địch, trong đó 5 vạn tên bị giết, 1 vạn bị bắt. Binh bộ thượng thư Trần Hiệp và nội quan Lý Lượng, tướng Lý Đăng bị chém tại trận. Quân ta “... thu được ngựa, quân tư khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết” (Đại Việt SKTT) Diễn biến trận Tốt Động - Chúc Động

Nghệ thuật chiến trận: Thắng lợi của trận phục kích Tốt Động – Chúc Động đã thể hiện 1 cách thành công của lối đánh “lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh” của nghĩa quân Lam Sơn. Nghiên cứu diễn biến trận tập kích Tốt Động – Chúc Động chúng ta thấy rằng sự vận động và cơ động nhanh của nghĩa quân đã tạo ra những bất ngờ lớn cho quân địch và là 1 trong những nhân tố quan trọng giúp nghĩa quân khắc phục được điểm yếu về số lượng so với địch để giữ vững quyền chủ động tiến công và tiêu diệt địch. Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động thể hiện Nghệ thuật chỉ đạo tác chiến, chiến thuật tài giỏi của nghĩa quân Lam Sơn. Nghĩa quân đã quán triệt tư tưởng quyết tâm tiêu diệt địch cao độ, là tinh thần chủ động, tích cực và liên tục tiến công, phát huy mọi chỗ mạnh của mình, nhằm đánh vào mọi chỗ yếu của địch mà đánh.

Đứng trước 1 thách thức lớn, 1 cuộc hành quân quy mô của 10 vạn quân địch, nghĩa quân tuy ít hơn nhiều về số lượng, nhưng không nao núng tinh thần, kiên quyết giữ vững quyền chủ động tiến công để tiêu diệt địch. Quân địch tuy đông và hiếu chiến nhưng đã mất hết quyền chủ động chiến lược và phải tiến quân vào những khu vực ngoài dự kiến. Trong toàn bộ cuộc chiến, quân địch luôn bị nghĩa quân điều động và phải bị động đối phó từ đầu chí cuối. Mở đầu cuộc chiến, nghĩa quân đã nhử địch từ cầu thanh oai lên Cổ Lãm để đánh bại giữa cánh đồng lầy. Một đạo quân mạnh gần 10 vạn của Vương Thông cũng bị nghĩa quân điều từ Cổ Sở xuống Ninh Kiều rồi lại từ Ninh Kiều vào những trận địa mai phục ở Tốt Động – Chúc Động để bị tiêu diệt. Nghệ thuật điều động quân địch của nghĩa quân lam Sơn đã đạt đến mức hoàn hảo.

Do bị điều động như vậy nên quân địch không phát huy được sức mạnh của chúng mà phải đánh theo cách đánh của ta, tại những chiến trường bất lợi nhất cho chúng do ta chọn sẵn. Nghệ thuật như địch và mai phục vận động đã được nghĩa quân sử dụng 1 cách tài tình và mưu trí. Quân Minh có sở trường lối đánh bao vây tiến công ào ạt và trận địa chiến. bằng cách đánh mai phục lợi hại của mình, nghĩa quân đón đánh 1 cách bất ngờ ngay trên đường hành quân của địch. Nghĩa quân không những khéo lợi dụng địa hình núi rừng ở Chúc Động mà còn sử dụng cả địa bàn đầm lầy Tốt Động để bố trí trận địa mai phục. Với địa hình hiểm yếu, bộ binh và kỵ binh của địch bị dồn vào tình trạng sa lầy, không phát huy được sở trường, rồi bị chia cắt đội hình ra tiêu diệt. Trước khi vào cuộc chiến chiến lược Tốt Động – Chúc Động, toàn bộ lực lượng của ta tập trung về Cao Bộ. Để đảm bảo nguyên tắc tập trung binh lực ở mức cao nhất, nghĩa quân bố trí 2 trận địa mai phục Tốt Động – Chúc Động nhằm đánh vào tiền quân và hậu quân của đạo quân chủ lực Vương Thông.

Đạo kỳ binh và trung quân của đạo chủ lực tuy không bị đánh nhưng cũng bị tan ra và tháo chạy. trên đường tháo chạy với tinh thần hoảng loạn đó, bộ phận quân địch này bị chặn đánh ở Chúc Động. Như vậy là nghĩa quân vừa tập trung được lực lượng để giáng những đòn quyết định vào bộ phận chủ yếu của đạo quân chủ lực, vừa đảm bảo tiêu diệt đến mức cao nhất cả 2 đạo chính, kỳ của Vương Thông. Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động biểu hiện ý chí và bản lĩnh chiến đấu của nghĩa quân, trình độ tổ chức và chỉ huy.

Chiến thắng đó đã đưa cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc lên 1 giai đoạn phát triển mới.